



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2010

Ngân hàng *THÂN THIỆN*
GẮN KẾT cộng đồng



Nội dung

1	THÔNG ĐIỆP	2	CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ	3	BÁO CÁO CỦA LÃNH ĐẠO	4	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	5	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	6	HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI THÀNH TÍCH	7	CÔNG TY LIÊN QUAN MẠNG LƯỚI
06	Quá trình thành lập và phát triển	22	Mô hình tổ chức	38	Báo cáo của HĐQT	52	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	58	Báo cáo của HĐQT	148	Hoạt động cộng đồng	152	Công ty thành viên
08	Tầm nhìn Phương châm chiến lược Giá trị cốt lõi	24	Hội đồng Quản trị	40	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	52	Cơ cấu cổ đông	61	Báo cáo Kiểm toán độc lập	150	Giải thưởng & thành tích	158	Mạng lưới
10	Thông điệp Chủ tịch HĐQT	28	Ban Kiểm soát			52	Danh sách cổ đông lớn	63	Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
13	Chỉ số tài chính nổi bật	30	Ban Điều hành			53	Chính sách đối với cổ đông 2010	66	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
16	Sự kiện tiêu biểu năm 2010	34	Quyền lợi của Ban Điều hành					68	Báo cáo lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất				
		35	Chính sách đối với người lao động					69	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất				
								71	Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất				



Thân thiện KHÁCH HÀNG

Thông điệp

- » Quá trình thành lập và phát triển
- » Tầm nhìn - Phương châm chiến lược - Giá trị cốt lõi
- » Thông điệp Chủ tịch HĐQT
- » Chỉ số tài chính nổi bật
- » Những sự kiện tiêu biểu trong năm 2010

Với ý tưởng xây dựng một định chế tài chính doanh nghiệp và phát triển doanh nghiệp quân đội trở thành một Ngân hàng TMCP Quân Đội. Sau 18 tháng tích cực chuẩn bị,

ngày **4/11/1994**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI chính thức đi vào hoạt động. Trụ sở tại số 28, Điện Biên Phủ, Hà Nội với số vốn điều lệ **20** tỷ đồng và **25** cán bộ nhân viên.

Năm **1997** MB đã vững vàng vượt qua cơn khủng hoảng tài chính là Ngân hàng Cổ phần duy nhất vẫn có lãi.

Năm **2004** Đánh dấu cột mốc quan trọng 10 năm MB xây dựng và phát triển với quy mô lớn mạnh gấp nhiều lần so với ban đầu: Tổng số vốn huy động tăng 511 lần, Tổng tài sản tăng từ 32 tỷ lên 7.000 tỷ đồng, Tổng lợi nhuận đạt hơn 500 tỷ đồng. Khai trương Tòa nhà Hội sở mới của MB ở Liễu Giai - Hà nội vào cuối năm 2004.

Năm **2004**
Đến **2008** Giai đoạn phát triển rực rỡ và đầy ấn tượng của MB kể từ khi thành lập đó là MB đã hoàn thành xuất sắc và toàn diện các mục tiêu mang tính chiến lược phát triển đưa MB lên vị thế mới. Vốn chủ sở hữu của MB tăng đều qua các năm, đạt 4.026 tỷ đồng vào năm 31/12/2008. Năm 2008, hầu hết các ngân hàng gặp khó khăn về thanh khoản do huy động vốn khó khăn nhưng MB vẫn giữ vững ổn định và trở thành một ngân hàng có hệ số an toàn thanh khoản cao, huy động vốn tăng trên 150%. Tổng tài sản của MB đến cuối năm 2008 đạt 41.809,7 tỷ đồng, bằng 10 lần so với thời điểm 1/1/2004. Tổng dư nợ tín dụng của MB tăng trưởng không ngừng tính đến 31/12/2008, dư nợ tín dụng của ngân hàng đạt 15.041,9 tỷ đồng, bằng 5,6 lần so với đầu năm 2004. Nợ xấu cũng luôn được kiểm soát dưới 2%. Đặc biệt, trong thời kỳ 2004 - 2008, lợi nhuận trước thuế của MB tăng trưởng ở mức cao, bình quân đạt mức tăng 61%/, lợi nhuận trước thuế năm 2008 đạt xấp xỉ 771 tỷ, tăng 10 lần so với năm 2003.

Năm **2009** Đánh dấu MB trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, MB đã đạt được những kết quả ấn tượng với tổng lợi nhuận đạt được là gần 1.300 tỷ đồng, tăng 65% so với 31/12/2008 và vượt 44% so với kế hoạch lợi nhuận đầu năm 2009.

Năm **2010** MB đã đánh dấu một giai đoạn mới với những thành công mới, vững vàng ở vị trí là một trong 5 Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

TẦM NHÌN

Trở thành một trong những Ngân hàng tốt nhất Việt Nam, hướng tới vị trí trong nhóm top 3, với định vị là một Ngân hàng cộng đồng, có đội ngũ nhân viên thân thiện và điểm giao dịch thuận lợi.

PHƯƠNG CHÂM CHIẾN LƯỢC

Tăng trưởng mạnh, tạo ra sự khác biệt và bền vững bằng văn hóa kỷ luật, đội ngũ nhân sự tinh thông nghiệp vụ, cam kết cao và được tổ chức khoa học.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Giá trị của MB không nằm ở tài sản mà ở giá trị tinh thần mà mỗi thành viên MB luôn coi trọng và phát huy 6 giá trị:

- ★ Tin cậy
- ★ Hợp tác
- ★ Chăm sóc khách hàng
- ★ Sáng tạo
- ★ Chuyên nghiệp
- ★ Hiệu quả



Với những nỗ lực không mệt mỏi, MB đã chứng tỏ mình là người bạn tận tâm, đáng tin cậy của khách hàng trong 16 năm qua. Trong thời gian tới, dựa trên nền tảng vốn có, chúng tôi đang hướng đến sự tăng trưởng bền vững, trở thành ngân hàng thân thiện với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

Kính thưa Quý vị!

Chúng ta đã trải qua một năm với nhiều biến động có ảnh hưởng mạnh mẽ tới nền kinh tế nói chung, và ngành ngân hàng nói riêng. Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) theo đó cũng không tránh khỏi việc đối mặt với khó khăn, thách thức. Đặc biệt, trong năm 2010, nền kinh tế toàn cầu bắt đầu hồi phục nhưng cũng đã bộc lộ nhiều bất ổn, mà rõ ràng nhất là cuộc khủng hoảng nợ công ở nhiều quốc gia Châu Âu diễn ra từ quý II/2010. Thị trường toàn cầu và các định chế phục hồi khả yếu ớt trong khi những rủi ro lớn vẫn luôn tiềm ẩn đối với ngành tài chính.

Trong một năm nhiều biến động, Ngân hàng vẫn là ngành đạt mức lợi nhuận cao, ổn định nhưng chính vì vậy sự cạnh tranh trong ngành diễn ra càng thẳng hơn, rủi ro nợ xấu gia tăng và chi phí cũng tăng lên do lãi suất huy động tăng cao... Đây là những thách thức không nhỏ trong năm 2010 và vẫn tiếp tục hiện hữu trong năm 2011.

Trong bối cảnh kinh tế được dự báo là vẫn chưa thực sự ổn định, Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo MB đặt mục tiêu tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững và hiệu quả. Để làm được điều này, Hội đồng Quản trị quyết định tập trung xây dựng chiến lược dài hạn cho MB trong giai đoạn 2011 - 2015, trong đó ưu tiên việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình thực tế, xây dựng mối quan hệ hợp tác bền vững giữa ngân hàng và khách hàng, khai thác tối đa sức mạnh các Công ty thành viên. Các kế hoạch kinh doanh phải bám sát với diễn biến thị trường, đảm bảo sự phát triển an toàn, kiểm soát được các rủi ro trong quá trình triển khai...

Bên cạnh chiến lược tổng thể, chúng tôi cũng đã khởi động các dự án hướng đến nhóm khách hàng SME và đẩy mạnh phát triển khu vực phía Nam dựa

trên các năng lực riêng có của MB. Đồng thời, ưu tiên xây dựng thương hiệu MB uy tín và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, triển khai các sản phẩm dịch vụ mới và ưu tiên đổi mới công nghệ... Cùng với sự ủng hộ của Cổ đông, sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, kết thúc năm 2010, MB đã vượt qua những thời điểm khó khăn nhất, phần đầu hoàn thành và thậm chí còn vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng tài sản tăng vượt mốc 100.000 tỷ đồng, lợi nhuận vượt mốc 2.000 tỷ đồng, các chỉ tiêu kinh doanh khác đều tăng so với năm trước trên 60%, các chỉ số an toàn đều ở mức cho phép. ROE năm 2010 là 29,02%, đứng ở top 3 các Ngân hàng TMCP. Chỉ tiêu hiệu quả lợi nhuận trên đầu người và lợi nhuận trên từng điểm giao dịch dẫn đầu khối các Ngân hàng TMCP. Để không phụ sự tin cậy của Quý vị Cổ đông, năm 2010, MB đã thực hiện hoàn tất các thủ tục niêm yết cuối cùng và trong tương lai không xa cổ phiếu MB với mã giao dịch MBB sẽ là một trong những mã chứng khoán tiềm năng được các nhà đầu tư biết đến và lựa chọn.

Bên cạnh những kết quả đáng chúc mừng trong kinh doanh, MB còn đạt được những bước tiến lớn trong việc củng cố hệ thống quản lý, hoàn thiện tổ chức, xây dựng chiến lược và tăng cường năng lực quản lý điều hành. Với những thành tích đó, MB đã được vinh dự đón nhận nhiều giải thưởng cao quý: Cờ thi đua của NHNN, cờ thi đua đơn vị quyết thắng của Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, cờ thi đua xuất sắc của UBND TP. Hà Nội và một số giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế. Năm 2010, MB tiếp tục được NHNN xếp hạng A về hoạt động đối với Ngân hàng. Cũng trong năm này, MB không ngừng phát triển hệ thống mạng lưới với 140 điểm giao dịch trên toàn quốc. Đặc biệt MB đã mở chi nhánh nước ngoài đầu tiên tại nước CHDCND Lào.



Hội đồng Quản trị MB chúng tôi nhận định rằng khó khăn chung của nền kinh tế cũng sẽ tạo ra cơ hội cho những doanh nghiệp có chiến lược rõ ràng, dám đương đầu thử thách và biết nắm bắt thời cơ. Do đó, MB định hướng phát triển trong giai đoạn này là: **“Tăng trưởng hợp lý, quản lý tốt, hiệu quả”** và tiếp tục hành động theo phương châm **“NGÂN HÀNG THÂN THIỆN VÀ CHUYÊN NGHIỆP”**.

Năm 2011 dự báo sẽ là một năm không ít khó khăn cho hoạt động của ngành ngân hàng. Để kiểm chế lạm phát, Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp như khống chế tăng trưởng tín dụng không quá 20%, tổng phương tiện thanh toán chỉ trong khoảng 15 - 16% và mới đây là tăng dự trữ bắt buộc ngoại tệ lên 2%,... Thực tế, những động thái này, về lâu dài sẽ tạo tiền đề cho nền kinh tế phát triển bền vững, nhưng trước mắt, ngành ngân hàng sẽ đối mặt với không ít thách thức.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị MB chúng tôi nhận định rằng khó khăn chung của nền kinh tế cũng sẽ tạo ra cơ hội cho những doanh nghiệp có chiến lược rõ ràng, dám đương đầu thử thách và biết nắm bắt thời cơ. Do đó, MB định hướng phát triển trong giai đoạn này là: **“Tăng trưởng hợp lý, quản lý tốt, hiệu quả”** và tiếp tục hành động theo phương châm **“Ngân hàng thân thiện và chuyên nghiệp”**. Hội đồng Quản trị đặt mục tiêu năm 2011 với vốn điều lệ đạt 10.000 tỉ đồng, tổng tài sản đạt 152.000 tỷ đồng, lợi nhuận là 2.915 tỷ đồng, huy động vốn đạt 115.000 tỷ đồng, tỉ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1,9%.

Năm 2011 sẽ là năm MB thực hiện các sáng kiến quan trọng trong kế hoạch 5 năm, theo đó sẽ tiếp tục triển khai chiến lược chiếm lĩnh và mở rộng thị phần, đặc biệt phía Nam và miền Trung, hướng tới các nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu và ưu tiên chăm sóc các khách hàng thân thiết, cũng như mở rộng các quan hệ khách hàng mới. Trong giai đoạn tiếp theo này, MB sẽ tập trung hoàn thiện cơ cấu tổ chức, kiện toàn các cơ quan tham mưu giúp việc cho HĐQT và Ban Điều hành để tương xứng với tầm vóc mới; đồng thời nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, đầu tư công nghệ hiện đại, mở rộng mối

quan hệ với các đối tác chiến lược là các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước, đặc biệt phát triển nguồn nhân lực cả về quy mô lẫn chất lượng trong toàn hệ thống, củng cố những giá trị cốt lõi trong văn hóa doanh nghiệp MB và phát huy những thế mạnh của MB Group...

Kính thưa Quý vị Cổ đông, với những nỗ lực không mệt mỏi, MB đã chứng tỏ mình là người bạn tận tâm, đáng tin cậy của khách hàng trong 16 năm qua. Trong thời gian tới, dựa trên nền tảng vốn có, chúng tôi đang hướng đến sự tăng trưởng bền vững, trở thành ngân hàng thân thiện với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự đồng lòng ủng hộ của Quý vị, kế hoạch 2011 của MB nhất định được hoàn thành thắng lợi.

Cuối cùng, thay mặt HĐQT, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các cơ quan Nhà nước, quý vị Cổ đông, khách hàng và đối tác đã luôn ủng hộ, giúp đỡ Ngân hàng TMCP Quân đội - MB Bank.

Trân trọng,
Hà Nội - ngày 30 tháng 3 năm 2011

TRƯƠNG QUANG KHÁNH
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tổng tài sản

59%

Tổng tài sản đạt **109.623** tỷ đồng tăng 59% so với năm 2009.

Lợi nhuận trước thuế

52%

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **2.288** tỷ đồng tăng 52% so với năm 2009.

Vốn huy động

64%

Vốn huy động đạt **96.954** tỷ đồng tăng 64% so với năm 2009.

Tổng dư nợ

65%

Tổng dư nợ tín dụng đạt **48.797** tỷ đồng tăng 65% đồng so với năm 2009.

ROE

29%

Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE vươn lên ở mức 29% cao hơn nhiều so với năm 2009: 26,6%.

ROA

2,54%

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản đạt 2,54% cao hơn năm 2009 và lớn hơn mức bình quân của ngành ngân hàng.

**

Một trong những bước đi quan trọng trong giai đoạn phát triển mới của MB, giai đoạn 2011 - 2015 là MB sẽ niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HoSE) trong năm 2011. Đây là bước đi nhằm đáp ứng nhu cầu, sự tin tưởng, kỳ vọng của nhà đầu tư, khách hàng và đối tác với MB.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010		2010	2009	2008	2007	2006
TỔNG TÀI SẢN	(tỷ đồng)	109.623	69.008	44.364	29.623	13.611
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(tỷ đồng)	2.288	1.505	860,9	608,9	269,6
VỐN HUY ĐỘNG	(tỷ đồng)	96.954	59.279	38.666	23.136,4	11.062,4
TỔNG DƯ NỢ	(tỷ đồng)	48.797	29.588	15.740,4	11.616,6	6.166,6
ROE	(%)	29	26,61	24,48	24,70	27,78
ROA	(%)	2,54	2,66	2,41	2,82	2,44
VỐN ĐIỀU LỆ	(tỷ đồng)	7.300	5.300	3.400	-	-



Sự kiện 01

Năm 2010 là năm diễn ra những sự kiện quan trọng của MB, là năm chuyển giao vị trí lãnh đạo cấp cao: **Phó Tổng giám đốc LÊ CÔNG** được bổ nhiệm **Tổng giám đốc** mới của Ngân hàng MB vào tháng 1/2010.

Việc chuyển giao đã diễn ra rất tốt đẹp, đạt được sự đồng thuận, nhất trí cao của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên.

Sự kiện 02



Ký kết và triển khai dự án tư vấn xây dựng chiến lược 2011 - 2015 và tầm nhìn 2020 với Đối tác McKinsey. Hoàn thành khảo sát, đánh giá chi tiết về MB; Tư vấn chiến lược phát triển của MB giai đoạn 2011 - 2015, để xuất mô hình kinh doanh và phương hướng cải tổ mô hình tổ chức, xây dựng 20 sáng kiến cùng các chương trình hành động chi tiết trong năm 2011 nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động ngân hàng.

Sự kiện 03



Trong năm 2010, Ngân hàng TMCP Quân đội chính thức khai trương hoạt động chi nhánh tại Lào - Chi nhánh đầu tiên của MB tại nước ngoài, đánh dấu bước mở rộng đầu tư ra nước ngoài của MB. Tại chi nhánh này MB cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng truyền thống phục vụ cho cả khách hàng doanh nghiệp lẫn cá nhân; Mục tiêu của MB Lào là nhắm đến đối tượng là các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư kinh doanh tại đây, doanh nghiệp Việt kiều, nhân viên Việt Nam đang làm việc tại các tổ chức quốc tế ở Lào và những doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tầng lớp dân cư Lào... để MB tận dụng thị trường tiềm năng này tạo nguồn vốn dồi dào cho các doanh nghiệp đến làm ăn tại Lào.

Sự kiện 04



Năm 2010, MB được Tổ chức xếp hạng uy tín thế giới Moody's đánh giá và xếp hạng MB ở mức E+, mức xếp hạng tín nhiệm cao nhất đối với các ngân hàng Việt Nam.

Sự kiện 05



Đây cũng là năm Thực hiện thành công bước đầu Chiến lược phát triển khu vực phía Nam; Chiến lược SME: Kết quả được đánh giá rất tốt, các chỉ tiêu tăng trưởng của khu vực vượt bậc so với các năm trước.

Sự kiện 06



Đầu tư xây dựng trung tâm dữ liệu (DC) và Trung tâm dự phòng (DR). Tổng vốn đầu tư trị giá 10 triệu USD nhằm ngày càng đổi mới, hiện đại hóa hệ thống công nghệ cho Ngân hàng. Sau khi đưa vào hoạt động, hệ thống được đánh giá là hoạt động hiệu quả, tăng tốc độ xử lý giao dịch, tăng tiện ích cho người sử dụng và phục vụ tốt khách hàng.

Sự kiện 07



Ký kết hợp tác với nhiều đối tác lớn, là các tập đoàn, tổng công ty như VFF, Vinaconex, AKA, PVD, HAFIC, CMC, PVD, EVN, SSG, Sông Đà Thăng Long, Bank of New York Mellon, Western Union, Hà Đô, Gang thép Thái Nguyên, Học viện Ngân hàng...

Ký hợp tác với Kho Bạc Nhà nước Trung ương và Tổng Cục Hải quan về thu hộ Ngân sách Nhà nước.

Sự kiện 08



MB nhận được nhiều giải thưởng lớn giá trị: Là 1 trong 2 Ngân hàng TMCP đạt cờ thi đua của Chính phủ trong 2 năm liền 2009 - 2010, cờ thi đua của NHNN, giải thưởng Sao Vàng Đất Việt, Thương hiệu mạnh Việt Nam, VNR500, chứng khoán uy tín, các giải thưởng thanh toán quốc tế do các tổ chức tài chính uy tín trên thế giới trao tặng và tiếp tục được NHNN xếp hạng A.

Sự kiện 09



Năm 2010, MB đã phát triển sản phẩm, dịch vụ Ngân hàng điện tử mới, với nhiều tiện ích:

- Các sản phẩm hướng đến khách hàng doanh nghiệp: Triển khai trên toàn hệ thống Gói sản phẩm Quản lý vốn lưu động; Gói sản phẩm Tài trợ nhà phân phối, sản phẩm Thẻ trả trước dành cho Tân Cảng, Thu hộ Ngân sách nhà nước...
- Đối với khách hàng cá nhân: Nhiều chương trình huy động vốn mới được triển khai bằng hình thức: Sản phẩm Tiết kiệm điện tử; Chứng chỉ tiền gửi phát hành qua VNPost; Sản phẩm Bank Plus, Dự án Private Banking...
- Hoạt động kiều hối cũng là điểm đáng chú ý trong năm 2010: Triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh bao gồm cả Western Union và Express Money....

Sự kiện 10



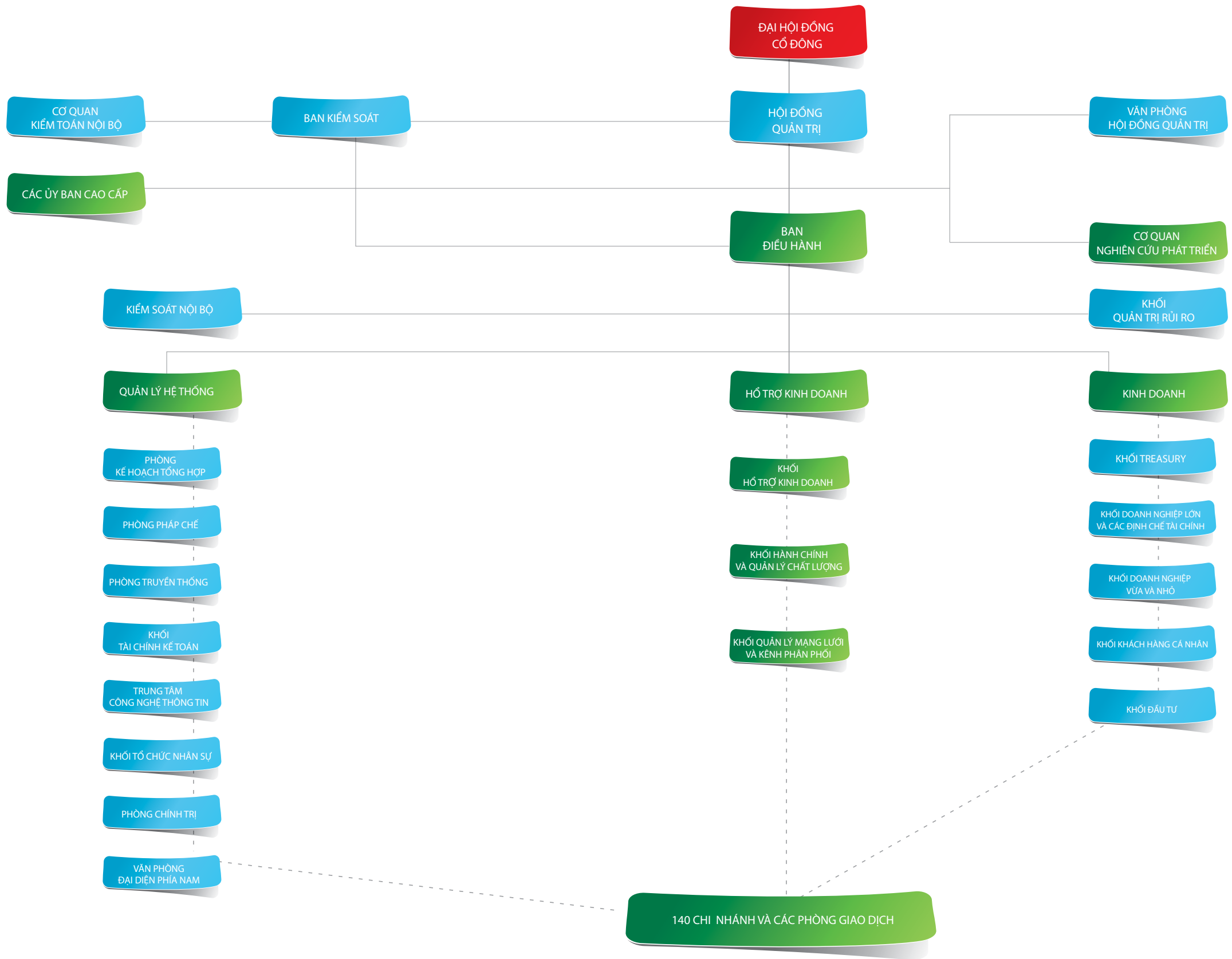
Hoàn thành chỉ tiêu kinh doanh ấn tượng: Vốn điều lệ đạt 7.300 tỷ đồng, Tổng tài sản đạt 109.623 tỷ đồng, Lợi nhuận trước thuế đạt 2.288 tỷ đồng, tăng trưởng kinh doanh trên 50% trở lên so với năm trước (Huy động vốn tăng 64%, Dự nợ tăng 65%, Lợi nhuận trước thuế tăng 52%).



Chuyên nghiệp NHÂN VIÊN

Cơ cấu TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

- » Mô hình tổ chức
- » Hội đồng Quản trị
- » Ban kiểm soát
- » Ban điều hành
- » Thay đổi Tổng giám đốc trong năm
- » Chính sách đối với người lao động



Ông TRƯƠNG QUANG KHÁNH
Chủ tịch HĐQT

Ông Khánh được Đại Hội đồng Cổ đông tín nhiệm bầu giữ chức danh Chủ tịch HĐQT MB từ tháng 5-2008 đến nay. Ông có học vị Tiến sĩ Khoa học Quản sự, thông thạo 2 ngoại ngữ Anh văn và Nga văn. Hiện ông là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Đại biểu Quốc hội, Ủy viên Ủy Ban Tài chính - Ngân sách Quốc Hội, Trung tướng - Thứ trưởng Bộ Quốc Phòng.



Ông TRƯƠNG QUANG KHÁNH

Ông LÊ VĂN BÉ
Phó Chủ tịch Thứ nhất HĐQT

Ông trực tiếp tham gia xây dựng Đề án thành lập MB, luôn giữ vai trò là nhà lãnh đạo xuất sắc, để lại dấu ấn mạnh mẽ trong từng bước phát triển của MB suốt 15 năm qua. Ông từng đảm nhận các chức vụ về quản lý tài chính tại Bộ Quốc phòng. Hiện tại, ông là Chủ tịch HĐQT của: Công ty CP Chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB, Chủ tịch Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân Đội - các Công ty con của MB.



Ông LÊ VĂN BÉ

Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Hùng tốt nghiệp Thạc sĩ điện tử Viễn Thông, Quản trị Kinh doanh và có nhiều năm kinh nghiệm công tác và quản lý trong lĩnh vực Điện tử Viễn Thông. Hiện nay, ông Hùng đang giữ các chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Viễn thông Quân đội (Viettel), Ủy viên HĐQT Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel, Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel, Chủ tịch HĐQT Liên doanh Viettel - CHT.



Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG

Ông ĐÀO MINH TUẤN
Thành viên HĐQT

Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư tin học, ông có nhiều năm kinh nghiệm công tác và quản lý trong lĩnh vực tin học ngân hàng. Hiện nay, Ông Tuấn đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank).



Ông ĐÀO MINH TUẤN

Ông ĐÀU QUANG LÀNH
Thành viên HĐQT

Ông Lành tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Đại học Kinh tế Tp. HCM. Ông Lành đã trải qua nhiều vị trí quản lý tài chính và quản lý doanh nghiệp. Hiện nay, Ông Lành giữ chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty 28 - Bộ Quốc Phòng.



Ông ĐÀU QUANG LÀNH

Ông NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM
Thành viên HĐQT

Ông Nghiêm tốt nghiệp Cử nhân kinh tế vận tải biển và đã trải qua nhiều vị trí quan trọng trong Quân Cảng Sài Gòn. Hiện nay, ông đang là Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Tân cảng - Cái Mép, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH cảng quốc tế Tân Cảng - Cái Mép và là Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu.



Ông NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM

Ông HÀ TIẾN DŨNG
Thành viên HĐQT

Ông Dũng tốt nghiệp trường Sĩ quan Không quân lái máy bay, Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Gagarin (Liên Xô cũ). Hiện nay, ông Dũng đang giữ các chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bay dịch vụ Việt Nam- Bộ quốc phòng đồng thời là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần địa ốc MB (MBLand).



Ông HÀ TIẾN DŨNG

****** MB sẽ tiếp tục các chính sách phát triển nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi và tâm huyết với nghề.

**

Ngoài việc giám sát, kiểm tra, kiểm toán hoạt động kinh doanh các đơn vị thuộc MB, kiểm toán báo cáo tài chính của MB, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn

trong hoạt động kinh doanh, quy trình, quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật. Hoạt động cảnh báo rủi ro đã được Ban Kiểm soát chú trọng thực hiện.



Bà PHẠM THỊ TỶ
Trưởng Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học Tài chính - Kế toán. Trước khi trở thành Trưởng Ban Kiểm soát MB, bà đã từng công tác tại Vụ Kế toán - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Công thương Ba Đình hơn 10 năm và gần 15 năm đảm nhiệm cương vị Giám đốc tài chính MB. Tháng 7 năm 2009 bà chính thức được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát MB.



Bà NGUYỄN THANH BÌNH
Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Trường ĐH Kinh tế Praha, Khoa Kinh tế Quốc dân, chuyên ngành Tài Chính. Trước khi trở thành thành viên Ban Kiểm soát MB, bà đã có 20 năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý Khối Tài chính Doanh nghiệp.



Ông LÊ CÔNG SÒA
Thành viên Ban Kiểm soát

Tốt nghiệp Đại học Tài chính - Kế toán khoa Ngân hàng. Ông có nhiều năm kinh nghiệm về lĩnh vực tài chính - kế toán. Ông giữ chức vụ Trưởng phòng kế toán ngân hàng - Cục Tài chính - Bộ quốc phòng từ năm 1998-2008.



Ông NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Thành viên Ban Kiểm soát

Trước khi trở thành thành viên Ban kiểm soát vào năm 2005, ông đảm nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT MB giai đoạn 1994 - 2005. Trong giai đoạn này, ông đồng thời đảm nhiệm cương vị Tổng Giám đốc tại 1 doanh nghiệp lớn của Bộ Quốc phòng.

Năm 2009 là năm chuyển giao nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 đã bầu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2009 - 2014 gồm: Trưởng Ban Kiểm soát và 3 thành viên. Ban Kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ để đánh giá những kết quả đạt được và tồn tại trong quá trình hoạt động. Đồng thời, tập trung phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của MB, đánh giá công tác quản trị của Hội đồng Quản trị và điều hành của Ban Lãnh đạo MB, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị đối với Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo ngân hàng về công tác quản trị, điều hành tại MB.

Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Ngoài ra, Trưởng Ban Kiểm soát tham dự toàn bộ các cuộc họp của Thường trực Hội đồng Quản trị. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát được Hội đồng Quản trị MB thực hiện kịp thời và tác động

tốt tới công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của MB.

Trong năm 2009, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát, Cơ quan Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán tại các chi nhánh và công ty trực thuộc MB. Trên cơ sở đánh giá mức độ rủi ro từ cao xuống thấp, cơ quan kiểm toán đã xây dựng kế hoạch kiểm toán bao gồm: Kiểm toán tổng thể, kiểm toán theo chuyên đề và kiểm toán đột xuất theo chỉ đạo của Trưởng Ban Kiểm soát.

Thông qua kết quả kiểm toán, Trưởng Kiểm toán nội bộ đã thực hiện báo cáo, đề xuất, tham mưu cho Ban Kiểm soát trong việc đưa ra các kiến nghị nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh; đóng góp bổ sung hoàn thiện quy trình, quy chế, quy định còn thiếu hoặc chưa phù hợp; đưa ra các cảnh báo rủi ro trong quá trình hoạt động.

Tại quyết định số
03/QĐ-NHNN,
Ngân hàng Nhà
nước đã
ban hành:
CHUẨN Y VIỆC
BỔ NHIỆM CHỨC
DANH TỔNG
GIÁM ĐỐC CHO
ÔNG LÊ CÔNG
vào ngày
05/01/2010

Ông LÊ CÔNG
Tổng giám đốc

Là Cử nhân Kinh tế Đại học Tài chính Kế toán và Đại học Bách khoa Hà Nội, là Thạc sĩ Kinh tế Học viện Hậu cần, ông Lê Công công tác tại MB ngay từ những ngày đầu thành lập. Trước khi được bổ nhiệm vị trí Tổng giám đốc MB năm 2010, ông từng giữ chức Phó Tổng giám đốc, đồng thời là Trưởng khối Doanh nghiệp nhỏ và vừa.



Ông LÊ CÔNG

Ông ĐẶNG QUỐC TIẾN
Phó Tổng giám đốc

Trước khi gia nhập MB vào tháng 6-1996, ông Đặng Quốc Tiến phụ trách kinh tế đối ngoại Quận khu 7 - Bộ Quốc phòng. Ông Tiến có bằng Cử nhân Kinh tế Đại học Ngoại thương, bằng thạc sĩ kinh tế Pacific Western University. Ông Tiến từng là Giám đốc Chi nhánh MB Hồ Chí Minh và được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc tháng 5/2002. Hiện nay, ông Tiến được giao nhiệm vụ phụ trách khu vực phía Nam.



Ông ĐẶNG QUỐC TIẾN

Ông ĐỖ VĂN HƯNG
Phó Tổng giám đốc

Ông Đỗ Văn Hưng là cử nhân Đại học Kinh tế quốc dân (khoa Ngân hàng, Tài chính) và cử nhân Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (khoa Anh văn). Ông đã có trên 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Tại MB, ông Hưng được giao phụ trách khối Hỗ trợ kinh doanh.



Ông ĐỖ VĂN HƯNG

BAN ĐIỀU HÀNH

Bà CAO THỊ THUỶ NGÀ
Phó Tổng giám đốc

Bà Cao Thị Thuỷ Nga có 11 năm kinh nghiệm về lĩnh vực tín dụng tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, hơn 12 năm là kế toán trưởng kiêm phụ trách nhân sự tại Ngân hàng liên doanh VIDPUBLIC. Bà tốt nghiệp thạc sỹ Đại học Tài chính - Kế toán và đã tham gia các khoá học Kiểm toán quốc tế tại Công ty Kiểm toán Việt Nam. Bà Nga hiện phụ trách Phòng Truyền thông và khối Quản lý mạng lưới và kênh phân phối.



Bà CAO THỊ THUỶ NGÀ

Bà VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG
Phó Tổng giám đốc

Là một trong những nhân sự đầu tiên của MB từ năm 1994, với những thành tích xuất sắc trong công tác, bà Phương được giao nhiều trọng trách quan trọng như: Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh Lý Nam Đế, Phó Giám đốc và Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ. Bà Phương tốt nghiệp thạc sỹ Tài chính Tiền tệ tại Học viện Ngân hàng. Hiện tại, bà phụ trách khối Khách hàng lớn và các định chế tài chính đồng thời phụ trách MB tại khu vực miền Nam.



Bà VŨ THỊ HẢI PHƯƠNG

Bà NGUYỄN THỊ AN BÌNH
Phó Tổng giám đốc

Trước khi giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc tại MB, bà Bình nhiều năm liền giữ các vị trí và chức vụ quan trọng như: Phó phòng kế toán phụ trách Kiểm soát nội bộ; Phó phòng Kiểm soát nội bộ; Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ & Giám đốc Khối Kiểm soát nội bộ. Tốt nghiệp thạc sỹ kinh tế, bà Bình nhiều năm liền quản lý và dẫn dắt Khối Kiểm soát nội bộ đạt các danh hiệu xuất sắc được Thống đốc NHNN tặng Bằng khen năm 2009. Bà Bình hiện phụ trách Khối Kiểm soát nội bộ, Khối Hành chính & Quản lý chất lượng, Phòng Pháp chế



Bà NGUYỄN THỊ AN BÌNH

Bà NGUYỄN MINH CHÂU
Phó Tổng giám đốc

Tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Ngân hàng tài chính Trường Đại học kinh tế Paris Dauphine (Pháp) và Trường cao học quản lý kinh tế Châu Âu ESCP - EAP, bà Châu nhiều năm liền là Cán bộ quản lý cao cấp phụ trách mảng nguồn vốn và ngoại hối tại các ngân hàng Hanil Hà Nội, Woori Hàn Quốc, PGBank. Bà Châu gia nhập MB tháng 11 năm 2009 với vị trí Phó Tổng giám đốc - phụ trách Khối Treasury.



Bà NGUYỄN MINH CHÂU

Ông LƯU TRUNG THÁI
Phó Tổng giám đốc

Gia nhập MB từ 1997, ông Thái được giao nhiều trọng trách: Phụ trách phòng Tín dụng Hội sở, Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng - Phụ trách khu vực miền Trung, Giám đốc Nhân sự... Tốt nghiệp cử nhân Học viện Ngân hàng, cử nhân Luật, MBA Đại học Hawaii - USA, ông Thái được coi là người đặt nền móng phát triển MB tại khu vực miền Trung. Được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng giám đốc từ tháng 4-2008, ông Thái hiện phụ trách khối Khách hàng cá nhân.



Ông LƯU TRUNG THÁI

Bà LÊ THỊ LỢI
Giám đốc Tài chính

Bà Lợi đã có 14 năm làm việc tại MB liên quan đến lĩnh vực tài chính - kế toán. Trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính năm 2009, bà đã từng giữ các chức vụ quan trọng tại Chi nhánh Điện Biên Phủ cũng như tại MB: Trưởng phòng kế toán Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Giám đốc Tài chính MB. Bà là một trong những người có đóng góp lớn đưa Chi nhánh Điện Biên Phủ trở thành chi nhánh dẫn đầu trong toàn hệ thống MB. Bà Lợi đã tốt nghiệp thạc sĩ kinh tế và hiện đang phụ trách Khối Tài chính - Kế toán.



Bà LÊ THỊ LỢI

Ngoài tiền lương và phụ cấp được chi trả hàng tháng, các kỳ thưởng định kỳ vào các ngày lễ tết, thưởng theo kết quả thực hiện công việc, chế độ cổ phiếu thưởng, cổ phiếu mua ưu đãi. Ngân hàng còn có chế độ đãi ngộ quan tâm đến cá nhân và gia đình vào các dịp sinh nhật, lễ tết, du lịch gia đình, chế độ bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho cá nhân, vợ/chồng và con từ cấp đại học trở xuống.



Cuối 2010, số lượng CBNV trên toàn hệ thống MB là: **3.269** người.

Ngoài tiền lương và phụ cấp được chi trả hàng tháng, MB còn có các kỳ thưởng định kỳ vào các ngày lễ tết, thưởng theo kết quả thực hiện công việc, thưởng đột xuất cho tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có sáng kiến, đóng góp có giá trị cho Ngân hàng, thưởng do hoàn thành vượt mức kế hoạch năm.

Nhằm động viên, khích lệ, quan tâm, nâng cao sự gắn bó của CBNV với Ngân hàng, MB đang áp dụng một số chế độ đãi ngộ dành cho CBNV và gia đình như sau: Tặng quà nhân dịp sinh nhật, tặng quà cho gia đình nhân dịp tết nguyên đán, chi giao lưu giữa CBNV trong đơn vị, chế độ bảo hiểm sức khỏe kết hợp cho cá nhân, chế độ bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho con từ cấp Đại học trở xuống, hỗ trợ chi phí học Tiếng Anh cho một số cấp Cán bộ quản lý.

Thu nhập bình quân của CBNV năm 2010 toàn hệ thống MB: 14.230.000 triệu đồng/người/tháng.



A close-up photograph of four hands, belonging to people in business suits, stacked on top of each other in a supportive grip. The hands are positioned diagonally across the frame. The suits are dark grey or black. The background is a plain, light-colored surface.

Đoàn kết LÃNH ĐẠO

Báo cáo của LÃNH ĐẠO

- » Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị
- » Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2010

2010 - năm của các chiến lược. Năm chuyển giao của chiến lược phát triển 05 năm (2011 - 2015), MB đã lựa chọn McKinsey - chuyên gia tư vấn hàng đầu thế giới về hoạch định chiến lược tài chính ngân hàng và thông thạo môi trường kinh doanh Việt Nam cùng đồng hành để xuất mô hình kinh doanh mới và phương hướng cải tổ hệ thống

toàn diện nhằm đưa MB vươn lên vị trí Top 3 các Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

MB đã có những điều chỉnh quan trọng trong chiến lược kinh doanh, tái cơ cấu lại mô hình tổ chức, kiện toàn hệ thống văn bản định chế theo quy định và chính sách nhà nước, đầu tư cơ sở hạ tầng và công

nghệ thông tin, chú trọng tạo lập những nét khác biệt riêng và hoàn thiện các giá trị cốt lõi trong văn hóa MB.

2010 - dựa trên các giá trị riêng có ở MB, các dự án khác đã được khởi động, mang lại nguồn sinh lực mới bên cạnh chiến lược tổng thể. Chiến lược phát triển khu vực phía Nam và

2010 - Thăng Long 1.000 năm, gắn với ý nghĩa văn hóa lịch sử cũng như đánh dấu sự phát triển của nền kinh tế. 2010 - MB 16 tuổi, độ tuổi trẻ trung và tràn đầy nhiệt huyết được chứng minh những con số: **109.623** tỷ đồng - Tổng tài sản; **7.300** tỷ đồng - Vốn điều lệ; **2.288** tỷ đồng - Lợi nhuận trước thuế.

chiến lược Khách hàng vừa và nhỏ (SME) đã chính thức triển khai, tạo động lực phát triển cho phía Nam và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng.

Tiếp nối thành công của Dự án CRM, MB thực hiện các dự án khác như: Rating xếp hạng tín nhiệm ngân hàng, và Private Banking

nhằm mang đến cho khách hàng các sản phẩm dịch vụ toàn diện với chất lượng cạnh tranh.

MB Group đã tích cực đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược trong nhiều lĩnh vực từ các sản phẩm thẻ liên kết với các doanh nghiệp, các chương trình về ủy thác, hợp tác đầu tư, phát triển khách hàng...

Nhìn lại chặng đường đã qua, nỗ lực trong 16 năm của MB đã tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển tiếp theo. Hội đồng Quản trị MB đã có những nhận định sáng suốt, đưa ra quyết sách kịp thời, phối hợp nhịp nhàng với Ban Điều hành cùng hướng tới một mục tiêu chung "Phát triển MB bền vững và hiệu quả".

Những thay đổi chủ yếu trong năm 2010

Hướng đến những chuẩn mực quốc tế và Mô hình quản trị tiên tiến. 2010 - MB đã có những chuyển đổi tích cực mang lại nhiều giá trị gia tăng cho khách hàng.

Hội đồng Quản trị MB và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ (2009 - 2014) đã ban hành quy chế tổ chức hoạt động mới được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua; phân công lại nhiệm vụ chuyên trách về: Chiến lược, đầu tư, quản lý rủi ro, mạng lưới, nhân sự... để định hướng và hỗ trợ tối đa cho các hoạt động của các đơn vị thành viên.

Bộ máy tham mưu giúp việc theo lĩnh vực được nghiên cứu đề xuất và đã hoàn tất quy chế tổ chức - hoạt động của 3 Ủy ban: Ủy ban quản trị rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban quản lý tài sản nợ - có (ALCO).

Trong quản trị điều hành, MB xây dựng và ban hành kịp thời các Quy định, Quy chế, từng bước chuẩn hóa các mảng hoạt động, tập trung vào các lĩnh vực như: Quản trị rủi ro, Quản lý tín dụng, Quản lý đầu tư, Phân loại khách hàng, Quy hoạch cán bộ...

2010 - MB ghi nhận mức tăng vốn điều lệ lên 7.300 tỷ đồng và đứng đầu trong Top 12 NH TMCP địa bàn Hà Nội. MB hiện đang tích cực hoàn tất những thủ tục cuối cùng để niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.

Tầm nhìn chiến lược MB trong tương lai từ 2015 là một trong những TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG hàng đầu tại Việt Nam. Để hiện thực hóa tầm nhìn này, MB đã khởi động và đang dốc sức mình cho những kế hoạch phát triển theo từng thời kỳ.

Triển vọng và kế hoạch phát triển trong tương lai

Xác định những năm tiếp theo nền kinh tế phục hồi nhưng tăng trưởng thiếu bền vững, MB tiếp tục triển khai Chiến lược phát triển với Mc. Kinsey. Trong giai đoạn tiếp theo, MB sẽ ưu tiên nâng cao năng lực quản trị điều hành, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, kiện toàn các cơ quan tham mưu giúp việc cho Hội đồng Quản trị để tương xứng tầm vóc mới, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

MB sẽ chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro, củng cố và hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, để cao tính kỷ luật, tạo sự gắn bó với

khách hàng trên tất cả các địa bàn kinh doanh.

MB sẽ tiếp tục các chính sách phát triển nhân lực nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ giỏi và tâm huyết với nghề. Các yếu tố về cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin sẽ được đầu tư để tương xứng với sự phát triển của toàn hệ thống.

Mang thương hiệu MB đến gần hơn với khách hàng sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của truyền thông. Với các giá trị văn hóa "Trung thực - Tin cậy, Hợp tác, Chăm sóc khách hàng, Sáng tạo, Chuyên nghiệp, Hiệu quả",

MB vẫn sẽ duy trì vị thế là một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam.

Hướng đến quy mô tập đoàn, 2011 - 2015 là giai đoạn MB dốc sức cho sự phát triển bền vững và đặt nền móng để hệ thống các công ty thành viên đứng trong Top đầu các lĩnh vực: tài chính ngân hàng, bất động sản, chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý tài sản, bảo hiểm...

Chính sự tin tưởng của quý cổ đông cũng như khách hàng đối với MB là thước đo hiệu quả nhất cho triển vọng tương lai này.

★★

Kinh tế thế giới dần hồi phục sau cuộc khủng hoảng và suy thoái toàn cầu nhưng không đồng đều giữa các khu vực. Thị trường tài chính tiền tệ biến động phức tạp và cuộc khủng hoảng nợ Châu Âu ảnh hưởng lớn đến đà phục hồi nền kinh tế.

Báo cáo kết quả hoạt động

Trong nước, nhìn chung ổn định, kinh tế phục hồi nhanh, tăng trưởng 6,7%. Tuy nhiên cán cân vĩ mô nền kinh tế còn nhiều hạn chế, bội chi ngân sách, nhập siêu, lạm phát cao (CPI tăng 11,75%). Giá vàng, giá USD tăng ở mức cao. Ngân hàng Nhà nước đã 2 lần điều chỉnh tỷ giá (tháng 2/2010 và tháng 8/2010). Sau 10 tháng đầu năm chính sách tiền tệ nới lỏng với chủ trương giảm lãi suất để kích thích tăng trưởng kinh tế, 2 tháng cuối năm NHNN chuyển sang thắt chặt tiền tệ (lãi suất cơ bản và lãi suất tái cấp vốn tăng lên 9% kể từ ngày 05/11/2010) do lo ngại nguy cơ lạm phát cao. Theo đó, lãi suất thị trường có xu hướng tăng cao, thanh khoản trở nên căng thẳng, cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng trở nên gay gắt, lãi suất huy động thậm chí lên đến 17%, biên lãi suất cũng giảm xuống, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của các ngân hàng.

Về quy mô hoạt động

Vốn điều lệ của MB đã đạt mức 7.300 tỷ đồng (tăng thêm 2.000 tỷ đồng) từ các nguồn: Đợt 01 phát hành thêm cổ phiếu, quyền mua theo tỷ lệ 53:13 (tăng thêm 1.300 tỷ đồng), đợt 02 phát hành cổ phiếu thưởng (tăng thêm 700 tỷ đồng). Theo đó, vốn chủ sở hữu đạt 8.882 tỷ đồng. Tổng tài sản của Ngân hàng cũng không ngừng tăng lên, đến 31/12/2010 đạt 109.623 tỷ đồng, tăng 59 % so với năm 2009.

Về huy động vốn

Thị trường cạnh tranh gay gắt, xáo động mạnh trong quý IV/2010. Với các chính sách điều hành hợp lý linh hoạt, nguồn vốn huy động của MB luôn ổn định, tăng trưởng phù hợp. Cuối năm 2010, tổng vốn huy động MB đạt 96.954 tỷ đồng, tăng 64% so với năm trước, trong đó vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư (bao gồm cả giấy tờ có giá) đạt 71.152 tỷ đồng, chiếm trên 73, 44% tổng vốn huy động.

Bước vào năm 2010, Ngân hàng Quân đội đã có 15 năm xây dựng và phát triển ổn định. Tiếp tục giữ vững và phát huy thành tích đó, trong năm qua Ngân hàng đã chủ động đưa ra những giải pháp khắc phục khó khăn, nỗ lực không ngừng để đạt được những kết quả khả quan, tăng trưởng ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đề ra.

Về hoạt động tín dụng,

Thực hiện định hướng tăng trưởng vững chắc, quản lý tốt, coi trọng chất lượng tín dụng, kiểm soát tốt nợ xấu. Đồng thời, tận dụng cơ hội, chuyển kinh doanh theo hướng chủ động, phát triển mạnh khách hàng. Tổng dư nợ tín dụng đạt 48.797 tỷ đồng, tăng 65% so với năm 2009. Cùng với phát triển tín dụng, song song quản lý chất lượng tín dụng chặt chẽ. MB luôn theo sát mục tiêu HĐQT đặt ra về kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 2%. Theo đó, tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5) trên tổng dư nợ thời điểm cuối năm 2010 của MB là 1,26%, và thấp hơn so với năm 2009 (1,58%), thấp hơn nhiều so với bình quân toàn ngành (2,5%).

Về lợi nhuận

Trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, thị trường biến động, MB đã chủ động có những quyết sách kịp thời, cùng chung sức với khách hàng để vượt qua khó khăn. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của MB là 2.288 tỷ đồng, tăng 52% so với năm 2009, vượt 14% so với kế hoạch Đại hội cổ đông năm 2009 thông qua. Điều này, giúp MB tiếp tục khẳng định vị thế tài chính của mình, là 1 trong 5 Ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam (không kể các Ngân hàng thương mại Nhà nước mới chuyển sang cổ phần) có lợi nhuận kinh doanh cao nhất.

Về nghĩa vụ nộp thuế

MB luôn hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với Ngân sách Nhà nước, đảm bảo tăng trưởng kinh doanh một cách hợp pháp. Cụ thể, năm 2010 Ngân hàng nộp ngân sách 732.3 tỷ đồng. Riêng 2 năm 2009-2010 MB đã nộp 1.108 tỷ đồng thuế. Hàng năm MB đều nhận được bằng khen của Bộ Tài chính và Tổng Cục thuế vì đã thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế.



CHỈ TIÊU		31/12/2009	KH 2010	31/12/10	% hoàn thành KH	% tăng trưởng so 2009
Vốn điều lệ	(tỷ đồng)	5.300	7.300	7.300	100%	138%
Tổng vốn huy động	(tỷ đồng)	59.279	75.000	96.954	129%	164%
Huy động từ TCKT và dân cư (TT1, bao gồm giấy tờ có giá)	(tỷ đồng)	42.399	58.110	71.152	122%	168%
Dư nợ	(tỷ đồng)	29.588	40.500	48.797	120%	165%
Tỷ lệ nợ xấu	(%)	1,58%	< 2%	1,26%	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(tỷ đồng)	1.505	2.000	2.288	114%	152%
TỔNG TÀI SẢN		69.008	85.000	109.623	129%	159%

Thực hiện tốt chiến lược, chiến thuật kinh doanh

Triển khai xây dựng chiến lược với tư vấn McKinsey Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển của MB giai đoạn 2011-2015. Hiện tại, đang triển khai thực thi chiến lược.

» Triển khai chiến lược phía Nam: Tăng năng lực kinh doanh, năng lực điều hành tại khu vực Phía Nam. Đẩy mạnh truyền thông, phát triển mạng lưới tại khu vực. Kết thúc năm 2010, khu vực phía Nam đạt kết quả kinh doanh vượt trội so với năm trước, lợi nhuận tăng gấp 2, 5 lần.

- » Chiến lược phát triển Khách hàng SME: tăng cường công tác sản phẩm và xây dựng chương trình quản lý danh mục khách hàng, đào tạo đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp
- » Triển khai đẩy mạnh hợp tác với các công ty thành viên trong Ngân hàng (TLS, MBCapital, MBLand, AMC, MIC)
- » Tăng cường hợp tác với các cổ đông chiến lược thông qua các sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng cung cấp cho các cổ đông chiến lược (Viettel, Tân Cảng..)

Xây dựng nguồn Nhân lực

Không ngừng nâng cao số lượng, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là chất lượng cán bộ nhân viên ngân hàng. MB đã tiến hành xây dựng trang web đào tạo và phần mềm đào tạo trực tuyến. Trong năm, đã tổ chức được 275 khóa đào tạo bao gồm: 182 khóa đào tạo nghiệp vụ, 72 khóa đào tạo kỹ năng và 21 khóa đào tạo tại nước ngoài. Tổng nhân sự đến 31/12/2010 là 3.269 người, trong đó tuyển dụng thêm 1.050 người và tiến hành bổ nhiệm và giao nhiệm vụ cho 439 cán bộ. Thu nhập bình quân đầu người đã có sự cải thiện, tăng từ mức 11,64 triệu/người/tháng lên mức 14,23 triệu/người/tháng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ

Tập trung mục tiêu nâng cao chất lượng, tăng tiện ích phục vụ khách hàng, coi khách hàng là mục tiêu để hoàn thiện chất lượng:

- » Thường xuyên đánh giá hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO
- » Nâng cao chất lượng của sản phẩm dịch vụ toàn hệ thống
- » Đổi mới phương thức cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Đổi mới quy trình tín dụng mới, tăng tiện ích phục vụ khách hàng, đổi mới quy trình bảo lãnh phát hành, tài trợ thương mại, tăng tiện ích phục vụ khách hàng.
- » Tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ, nâng cao hiệu lực quản lý và tính tuân thủ. Trong kỳ, đã tổ chức kiểm tra được trên 270 lượt tại các chi nhánh và đơn vị Hội sở. Công tác an toàn hoạt động, an toàn giao dịch, an toàn kho quỹ và các mặt hoạt động khác được thực hiện tốt.
- » Với các nỗ lực đó, tháng 12/2010, tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín trên thế giới Moody's công bố kết quả MB xếp loại E+, đây là mức tín nhiệm cao nhất của ngân hàng Việt Nam.

****** Phát triển mạng lưới
Năm 2010, phát triển mới
40 điểm giao dịch nâng
tổng số điểm giao dịch
của MB đến 31/12/2010 là
140 điểm, có mặt ở 23 tỉnh
thành phố trong cả nước.
Ngoài ra, tháng 12/2010
MB đã khai trương và đi vào
hoạt động chi nhánh Lào,
đánh dấu bước khởi đầu
cho chiến lược phát triển
của ngân hàng ra quốc tế.

Giải pháp công nghệ

Ký hợp đồng với các nhà cung cấp thiết bị cho dự án DC-DR trị giá 10 triệu USD nhằm nâng cấp hệ thống máy chủ và xây dựng trung tâm khắc phục phòng ngừa về Công nghệ thông tin cho ngân hàng, phục vụ tốt cho triển khai nghiệp vụ kinh doanh. Đồng thời, chuẩn bị các bước để nâng cấp hệ thống T24 lên phiên bản R10 và triển khai hàng loạt các dự án, sản phẩm công nghệ mới như dự án thẻ VISA và MASTER, dự án thu phí Logistics, dự án thu hộ thuế XNK cho kho bạc nhà nước. Kết hợp với các đối tác để triển khai các sản phẩm tại MB: M-pay, Payone, ...



Báo cáo tình hình tài chính

Phân tích một số chỉ số tài chính

Tỷ suất sinh lời MB đạt được khá cao. Mặc dù trong năm qua nhằm tăng năng lực tài chính, Ngân hàng đã thực hiện tăng vốn nhiều lần nhưng lợi ích của cổ đông vẫn luôn đảm bảo ở mức cao. Đặc biệt, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ROE vươn lên ở mức 29,02% cao hơn nhiều so với năm trước (năm 2009: 26,6%). Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản đạt 2,56% tuy thấp hơn năm trước nhưng vẫn là mức khá cao so với nhiều ngân hàng khác, EPS (lãi cơ bản trên cổ phiếu) năm 2010 đạt gần 2.845 đồng/cổ phiếu.

Trong năm, thanh khoản vẫn là nỗi lo cho nhiều ngân hàng, tuy nhiên với MB các chỉ tiêu khả năng thanh khoản luôn được duy trì ở mức an toàn qua các tháng trong năm 2010. Cụ thể tỷ lệ khả năng chi trả luôn đáp ứng yêu cầu của NHNN và yêu cầu quản trị. Kết quả thể hiện ở bảng sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng			
CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Khả năng chi trả trong 7 ngày tiếp theo (Theo TT13)			
o Theo VND (lần)	N/A	N/A	1,26
o Theo USD	N/A	N/A	1,31
o Theo EUR	N/A	N/A	1,6
Khả năng thanh toán ngay (Theo QĐ 457)	118%	185 %	N/A
Khả năng chi trả ngay (Theo TT13)	N/A	N/A	21%
Khả năng thanh toán chung (trong vòng 1 tháng) (Theo QĐ 457)	110%	135%	N/A

Ghi chú:

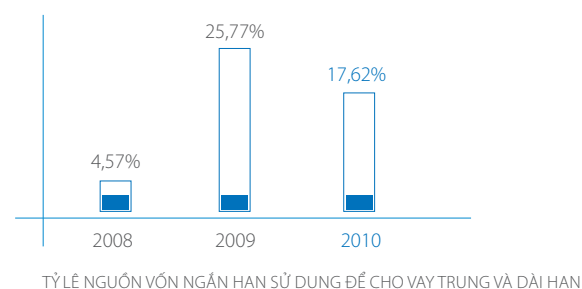
Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/04/2005 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng; được áp dụng để tính khả năng thanh khoản cho năm 2008 và năm 2009

Thông tư 13/2010/TT-NHNN ngày 20/05/2010 của Ngân hàng Nhà nước thay thế cho Quyết định 457/2005/QĐ-NHNN: tính cho chỉ tiêu khả năng thanh khoản năm 2010.

2.845 đồng/cổ phiếu
EPS - LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Về tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn:

CHỈ TIÊU (CỦA RIÊNG NGÂN HÀNG)	2008	2009	2010
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung và dài hạn	4,57%	25,77%	17,62%



Chính sách tín dụng của MB trong năm là đẩy mạnh cho vay ngắn hạn, cho vay bổ sung vốn lưu động đối với doanh nghiệp giúp tăng vòng quay của vốn, do đó tỷ lệ nguồn ngắn hạn sử dụng cho vay trung và dài hạn là 17,62% thấp hơn so với năm trước (25,77%) và thấp nhiều so với quy định của NHNN (30%).

Những thay đổi về vốn cổ đông

Theo kế hoạch và phương án đã được Đại hội cổ đông thông qua, MB đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 2.000 tỷ đồng từ các nguồn: Phát hành thêm cổ phiếu, quyền mua theo tỷ lệ 53:13 (tăng thêm 1.300 tỷ đồng), phát hành cổ phiếu thưởng (tăng thêm 700 tỷ đồng). Vốn điều lệ đến 31/12/2010 của MB đạt 7.300 tỷ đồng. Theo đó, hệ số an toàn vốn đạt cao 11,6%, đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh.

Tính đến 31/12/2010, MB có tổng cộng 730.000.000 cổ phiếu đang lưu hành (100% là cổ phiếu phổ thông).

Cổ tức

Năm 2010, với kết quả kinh doanh khả quan, MB đã tạm ứng cổ tức 15% bằng tiền và chia 8,95% bằng cổ phiếu cho các cổ đông.

Theo kế hoạch và phương án đã được Đại hội cổ đông thông qua, MB đã thực hiện tăng vốn điều lệ thêm 2.000 tỷ đồng từ các nguồn: Phát hành thêm cổ phiếu, quyền mua theo tỷ lệ 53:13 (tăng thêm 1.300 tỷ đồng), phát hành cổ phiếu thưởng (tăng thêm 700 tỷ đồng). Vốn điều lệ đến 31/12/2010 của MB đạt 7.300 tỷ đồng. Theo đó, hệ số an toàn vốn đạt cao 11,6%, đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh.

Tính đến 31/12/2010, MB có tổng cộng **730.000.000** cổ phiếu đang lưu hành (100% là cổ phiếu phổ thông)

Kế hoạch hoạt động 2011

Tổng tài sản (tỷ đồng)	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Dư nợ cho vay (tỷ đồng)
152.000	10.000	58.000

Tình hình thế giới

Có nhiều thách thức, khó khăn. Trong đó, bạo loạn, xung đột chính trị đang diễn ra tại một số nước Trung đông và Bắc Phi, kéo theo đó làm gia tăng giá cả thế giới như giá xăng dầu, vàng và ngoại tệ.

Tình hình trong nước

Trong nước, lạm phát đang có xu hướng tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 11 ngày 24/2/2011 với mục tiêu kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội. NHNN đã ban hành Chỉ thị 01 ngày 1/3/2011 và Thông tư 02 ngày 3/3/2011 đưa ra các giải pháp thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ với phương châm điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng, thắt chặt. Định hướng của Chính phủ và NHNN là tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán khoảng 15%-16%, tín dụng đối với nền kinh

tế tăng dưới 20% so với năm 2010 tập trung ưu tiên vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất kinh doanh, nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực hiện giảm tốc độ và tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất so với năm 2010, nhất là lĩnh vực bất động sản, chứng khoán; đến 30 tháng 6 năm 2011, tỷ trọng dư nợ cho vay lĩnh vực phi sản xuất so với tổng dư nợ tối đa là 22% và đến 31 tháng 12 năm 2011, tỷ trọng này tối đa là 16%. Kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng các chỉ tiêu tiền tệ ngay từ đầu năm. Điều này sẽ tác động mạnh đến khả năng sinh lời, thanh khoản của các ngân hàng. Thêm vào đó, việc thực hiện Luật NHNN Việt Nam, Luật các tổ chức tín dụng ban hành ngày 29/6/2010 và có hiệu lực từ 1/1/2011, TT 13, và TT 19 - NHNN về thực hiện các tỷ lệ an toàn tại các tổ chức tín dụng và áp lực tăng vốn điều lệ mạnh mẽ đảm bảo các hệ số an toàn vốn theo quy định mới sẽ đòi hỏi các Ngân hàng rất nỗ lực trong hoạt động.

Năm 2011 sẽ đánh dấu bước đi mới của MB trong chiến lược phát triển giai đoạn 2011 - 2015. Toàn hệ thống MB đang nỗ lực tập trung vào các giải pháp tổ chức kinh doanh và nâng cao năng lực quản lý, triển khai tích cực để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2011.

Tổng vốn huy động (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới (%)
115.000	2.915	1,9

Trên cơ sở đó, định hướng MB trong năm 2011: “Tăng trưởng hợp lý, an toàn, hiệu quả”, đảm bảo duy trì giữ vững vị thế và nâng cao khả năng cạnh tranh của MB trên thị trường, hướng tới là một trong 3 Ngân hàng TMCP lớn, có chất lượng dịch vụ tốt nhất tại Việt Nam trong giai đoạn chiến lược 2011-2015. Toàn MB thực hiện tốt 5 mục tiêu năm 2011:

1. Thực hiện chiến lược năm đầu của chiến lược 5 năm 2011 - 2015, triển khai đồng bộ tầm nhìn chiến lược và 20 sáng kiến; Chuyển đổi mô hình kinh doanh hướng mạnh về khách hàng.
2. Cùng cố xây dựng nguồn nhân lực tăng về số lượng, để cao chất lượng, bố trí hợp lý nguồn nhân lực; Thu hút người giỏi, người tài.
3. Cùng cố nâng cao công nghệ: Chuyển đổi hệ thống DC, DR, nâng cấp T24 lên R10, đầu tư các phần mềm tăng năng lực quản trị kinh doanh.
4. Tập trung nâng cao năng lực tài chính: Tăng vốn điều lệ; Tập trung huy động vốn.
5. Đảm bảo duy trì giữ vững vị thế và nâng cao khả năng cạnh tranh của MB trên thị trường. Ổn định chính trị trong mọi điều kiện.

MB đã đặt ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 cụ thể như: Vốn điều lệ đạt 10.000 tỷ đồng. Tổng tài sản đạt mức 152.000 tỷ đồng, nâng dư nợ cho vay lên 58.000 tỷ đồng, tổng vốn huy động 115.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2.915 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 1, 9%, tổng số điểm giao dịch đến 31/12/2010 là 190 điểm.



Thông tin CỔ ĐÔNG

- » Tỷ lệ sở hữu cổ phần
- » Cơ cấu cổ đông
- » Danh sách cổ đông lớn
- » Chính sách đối với cổ đông 2010

Tin tưởng ĐỐI TÁC

Tỷ lệ sở hữu cổ phần

STT	HỌ TÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2008	2009	2010
1.	TRƯƠNG QUANG KHÁNH	0,019 %	0,032 %	0,062 %
2.	LÊ VĂN BẾ	0,229 %	0,188 %	0,128 %
3.	NGUYỄN MẠNH HÙNG	-	0,012 %	0,013 %
4.	HÀ TIẾN DŨNG	-	0,006 %	0,010 %
5.	ĐẬU QUANG LÀNH	0,017 %	0,017 %	0,022 %
6.	ĐÀO MINH TUẤN	-	0,004 %	0,008 %
7.	NGUYỄN ĐĂNG NGHIÊM	-	0,004 %	0,008 %

Cơ cấu cổ đông

STT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1.	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	136	472.976.121	64,79 %
a.	Trong nước	136	472.976.121	64,79 %
b.	Nước ngoài	-	-	-
2.	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	9.349	257.023.879	35,21 %
a.	Trong nước	9.349	257.023.879	35,21 %
b.	Nước ngoài	0	0	-
TỔNG		9.485	730.000.000	100 %

Danh sách cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1.	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM (VIETCOMBANK)	1. Số 198 Trần Quang Khải, Hà Nội	Ngân hàng	80.300.000	11 %
2.	TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI (VIETTEL)	2. Số 01 Giang Văn Minh, Hà Nội	Viễn thông	73.000.000	10 %
3.	TỔNG CÔNG TY TRỰC THĂNG VIỆT NAM	3. Số 172 Trường Chinh, Hà Nội	Dịch vụ bay	52.882.207	7,24 %
4.	CÔNG TY TÂN CẢNG	4. Tân Cảng - Phường 22 - Bình Thạnh - Tp. HCM	Khai thác cảng container	41.736.239	5,71 %

****MB** đã tích cực xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các Cơ quan quản lý Nhà nước, Khách hàng và Cổ đông.

Chính sách đối với cổ đông 2010

Để trở thành một trong những Tập đoàn Tài chính Ngân hàng hàng đầu Việt Nam, MB đã tích cực xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các cơ quan quản lý Nhà nước, khách hàng và cổ đông. Nhằm đảm bảo các quyền lợi gia tăng cho cổ đông, trong nhiều năm MB luôn duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức **15% - 20%**, cụ thể năm 2010 tỷ lệ chi trả cổ tức của MB bằng tiền mặt là 15% và bằng cổ phiếu thưởng là 9%. Đây là mức cổ tức cao nhất nhì trong nhóm các ngân hàng TMCP Việt Nam.



Hài lòng CỔ ĐÔNG

Báo cáo **TÀI CHÍNH**

- » Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- » Báo cáo Kiểm toán độc lập
- » Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- » Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- » Báo cáo lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất
- » Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- » Thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI

Tên tiếng Anh: MILITARY COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Trụ sở chính: 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 6266 1088

Fax: (04) 6266 1080

Website: www.mbbank.com.vn

Giấy phép hoạt động: số 0054/NH-GP

do Thống đốc NH Nhà nước Việt Nam cấp 14/09/1994

và quyết định số 00374/GP-UB của UBND Tp. Hà Nội

Thời gian hoạt động: 50 năm



Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 4 tháng 11 năm 1994.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội có trụ sở chính đặt tại số 3, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Sở giao dịch, một (01) chi nhánh tại Lào, ba mươi chín (39) chi nhánh, chín mươi lăm (95) phòng giao dịch, bốn (04) điểm giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước, năm (05) công ty con và hai (02) công ty liên kết.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT VÀ CỔ TỨC

Tóm tắt về kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chi trả cổ tức của Ngân hàng như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Năm 2010	Năm 2009
Lợi nhuận thuần trong năm	1.712.078	1.094.721
Cổ tức bằng tiền công bố trong năm	812.836	667.702
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	781.339	397.307

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trương Quang Khánh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Lê Văn Bé	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Đậu Quang Lành	Ủy viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Nguyễn Đăng Nghiêm	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Hà Tiến Dũng	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Đào Minh Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Tỷ	Trưởng ban Kiểm soát	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Ông Lê Công Sòa	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 29 tháng 07 năm 2009

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Ngân hàng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành của Ngân hàng:

- » lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- » thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- » lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành của Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Điều hành của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành của Ngân hàng đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Ông LÊ VĂN BÉ
Phó Chủ tịch Thường trực
Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
360 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
ĐT: (04) 831 5100 Fax: (04) 831 5090
Website: www.ey.com

Số tham chiếu: 60755036/14061643

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUÂN ĐỘI**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội ("**NGÂN HÀNG**") và các công ty con, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "**Các báo cáo tài chính hợp nhất**") được trình bày từ trang 63 đến trang 147.

Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

CƠ SỞ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, xét trên các khía cạnh trọng yếu, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định có liên quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên công chứng
Số đăng ký: 1103/KTV

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Thuyết minh	2010	2009
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	868.771	541.132
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	4	746.006	1.427.595
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác	5	33.652.251	24.062.971
Chứng khoán kinh doanh		1.689.788	618.513
Chứng khoán kinh doanh	6	1.821.189	684.106
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	11.1	(131.401)	(65.593)
Cho vay và ứng trước khách hàng		48.058.250	29.140.759
Cho vay và ứng trước khách hàng	7	48.796.587	29.587.941
Dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước khách hàng	8	(738.337)	(447.182)
Chứng khoán đầu tư		15.563.524	9.674.239
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	5.542.695	6.257.726
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	10.158.967	3.647.619
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	11.2	(138.138)	(231.106)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	1.576.913	891.469
Đầu tư vào công ty liên kết	10.1	50.105	63.815
Đầu tư góp vốn dài hạn khác	10.2	1.610.833	883.100
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn dài hạn	11.3	(84.025)	(55.446)
Tài sản cố định	12	1.223.527	623.041
Tài sản cố định hữu hình	12.1	263.357	265.133
Nguyên giá tài sản cố định		560.803	461.612
Hao mòn tài sản cố định		(297.446)	(196.479)
Tài sản cố định vô hình	12.2	960.170	357.908
Nguyên giá tài sản cố định		1.028.745	399.204
Hao mòn tài sản cố định		(68.575)	(41.296)
Bất động sản đầu tư	13	130.764	355.138
Nguyên giá bất động sản đầu tư		130.865	355.408
Hao mòn bất động sản đầu tư		(101)	(270)

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Thuyết minh	2010	2009
Tài sản Có khác		6.113.404	1.673.431
Các khoản lãi và phí phải thu		1.513.272	609.036
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22.2	8.494	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		103.487	46.477
Các khoản phải thu	14	4.147.388	802.234
Tài sản Có khác		430.051	216.644
Các khoản dự phòng cho các tài sản Có nội bảng khác		(89.288)	(960)
TỔNG TÀI SẢN		109.623.198	69.008.288
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	15	8.768.803	4.708.749
Tiền gửi và vay các TCTD khác	16	16.916.652	11.696.905
Tiền gửi của khách hàng	17	65.740.838	39.978.447
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	18	117.008	474.629
Phát hành giấy tờ có giá	19	5.410.642	2.420.537
Các khoản nợ khác		2.928.142	2.233.513
Các khoản lãi, phí phải trả		659.699	390.481
Thuế phải trả	22	295.493	153.238
Các khoản nợ khác	20	1.831.892	1.486.407
Dự phòng cho cam kết ngoại bảng	21	141.058	203.387
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		99.882.085	61.512.780
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ			
Vốn của TCTD	23	7.553.765	6.172.886
Vốn điều lệ		7.300.000	5.300.000
Thặng dư vốn cổ phần		253.765	869.685
Vốn khác		-	3.201
Quỹ của TCTD	23	547.245	317.879
Lợi nhuận chưa phân phối	23	781.339	397.307
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		8.882.349	6.888.072
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	23	858.764	607.436
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		109.623.198	69.008.288

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Thuyết minh	2010	2009
Cam kết bảo lãnh		10.166.345	5.908.394
Cam kết thư tín dụng		42.942.888	19.392.604
Các cam kết cho vay chưa giải ngân		4.581.820	2.123.426
	35	57.691.053	27.424.424

Người lập

Bà NGUYỄN THU HƯƠNG
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt

Bà LÊ THỊ LỢI
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông LÊ CÔNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Thuyết minh	2010	2009 số trình bày lại
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	8.765.606	4.050.421
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(5.246.502)	(2.212.353)
Thu nhập lãi thuần		3.519.104	1.838.068
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		735.531	524.981
Chi phí hoạt động dịch vụ		(146.693)	(144.287)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	27	588.838	380.694
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	1.343	(72.766)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư	29	(4.394)	216.041
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh khác	31	123.576	177.016
Lãi/(lỗ) thuần từ góp vốn vào công ty liên kết		(17)	17
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và đầu tư góp vốn dài hạn khác	30	(231.329)	76.074
Thu nhập cổ tức từ góp vốn mua cổ phần		91.079	38.367
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		4.088.200	2.653.511
Chi phí tiền lương		(567.110)	(349.706)
Chi phí khấu hao và khấu trừ	12	(129.089)	(110.425)
Chi phí hoạt động khác	32	(557.683)	(323.928)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(1.253.882)	(784.059)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		2.834.318	1.869.452
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay và ứng trước khách hàng	8	(520.576)	(277.835)
Hoàn nhập/(Chi phí) dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng	21	62.329	(86.547)
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi		(88.000)	-

Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Thuyết minh	2010	2009 số trình bày lại
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		2.288.071	1.505.070
Chi phí thuế TNDN hiện hành	22.1	(551.395)	(331.343)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	22.2	8.494	-
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		1.745.170	1.173.727
Lợi ích của cổ đông thiểu số		33.092	79.006
LỢI NHUẬN SAU THUẾ CỦA NGÂN HÀNG		1.712.078	1.094.721
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	23.4	2.845	2.909

Người lập

Bà NGUYỄN THU HƯƠNG

Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt

Bà LÊ THỊ LỢI

Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông LÊ CÔNG

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011

	Thuyết minh	2010	2009
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI ĐẦU NĂM	23.1	397.307	288.766
Lợi nhuận thuần trong năm		1.712.078	1.094.721
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		2.109.385	1.383.487
Trích bổ sung các quỹ của năm trước		(339.705)	(206.494)
Tạm trích các quỹ năm hiện hành		(167.537)	(108.503)
Tạm ứng cổ tức cho năm hiện hành		(812.836)	(667.262)
Trả cổ tức các năm trước		-	(440)
Các loại thuế phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế		(447)	(280)
Các khoản khác		(7.521)	(3.201)
LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI CUỐI NĂM	23.1	781.339	397.307

Người lập

Bà NGUYỄN THU HƯƠNG
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt

Bà LÊ THỊ LỢI
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông LÊ CÔNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	2010	2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu lãi và các khoản thu tương tự nhận được		7.295.589	4.144.058
Chi lãi và các khoản chi tương tự đã trả		(5.065.842)	(2.225.298)
Thu từ hoạt động dịch vụ		735.531	524.981
Chi từ hoạt động dịch vụ		(146.693)	(144.287)
Thu/(chi) từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		1.343	(72.766)
Thu/(chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán kinh doanh và đầu tư		(4.394)	332.994
Thu khác		78.882	120.445
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		40.918	56.964
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(545.353)	(338.811)
Chi hoạt động khác		(557.683)	(323.928)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	22.1	(439.841)	(253.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		1.392.457	1.820.389
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/Giảm tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác		(5.199.525)	1.106.273
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay và ứng trước khách hàng		(19.438.067)	(13.925.085)
(Tăng)/Giảm nguồn dự phòng để bù đắp các khoản (chứng khoán, đầu tư)		(229.910)	-
(Tăng)/Giảm tài sản Có khác		(2.880.383)	(637.494)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(Giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		4.060.054	4.708.749
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác		5.219.747	3.165.039
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		25.762.391	12.815.566
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay		(357.621)	(359.732)
Tăng/(Giảm) khác của các khoản nợ khác		(26.234)	974.446
Sử dụng các quỹ		(272.031)	(189.631)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.030.878	9.478.520

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

		Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Thuyết minh	2010	2009
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
(Tăng)/Giảm tài sản cố định		(729.526)	(104.070)
(Tăng)/Giảm đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(748.277)	(133.906)
(Tăng)/Giảm chứng khoán kinh doanh		(1.137.083)	(475.228)
(Tăng)/Giảm chứng khoán đầu tư		(5.796.317)	(805.324)
(Tăng)/Giảm bất động sản đầu tư		224.323	160.663
Cổ tức nhận được trong năm bằng tiền		79.144	36.304
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.107.736)	(1.321.561)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng/(Giảm) vốn cổ phần bằng tiền mặt	23.1	1.400.000	1.229.960
Tăng/(Giảm) phát hành trái phiếu		2.990.105	1.283.211
Tăng/(Giảm) vốn góp của các cổ đông thiểu số		229.734	299.477
Cổ tức trả cho các cổ đông		(491.256)	(768.639)
Tăng/(Giảm) quỹ		(15.920)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		4.112.663	2.044.009
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.035.805	10.200.968
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	33	25.168.128	14.967.160
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	33	29.203.933	25.168.128

Người lập

Bà NGUYỄN THU HƯƠNG
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt

Bà LÊ THỊ LỢI
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt

Ông LÊ CÔNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 42 là một phần của các báo cáo tài chính hợp nhất này

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (sau đây gọi tắt là “**NGÂN HÀNG**”); tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là **Military Commercial Joint Stock Bank** là Ngân hàng Thương mại Cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 0054/NH-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 và Quyết định số 00374/GP-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Thời gian hoạt động theo giấy phép là 50 năm và Ngân hàng chính thức đi vào hoạt động ngày 4 tháng 11 năm 1994.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ ban đầu của Ngân hàng khi thành lập vào năm 1994 là 20.000 triệu đồng và được bổ sung theo từng thời kỳ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông. Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 7.300.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 5.300.000 triệu đồng).

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho tới thời điểm lập các báo cáo này gồm:

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TÁI BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Lê Công	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 05 tháng 01 năm 2010
Ông Lê Văn Bé	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 16 tháng 10 năm 1995 Miễn nhiệm vào ngày 05 tháng 01 năm 2010
Ông Đặng Quốc Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 07 tháng 05 năm 2002
Ông Lê Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 2002 Miễn nhiệm vào ngày 01 tháng 04 năm 2010
Ông Đỗ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 10 năm 2005
Bà Cao Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 01 tháng 01 năm 2006
Bà Vũ Thị Hải Phượng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 11 tháng 06 năm 2007
Ông Lưu Trung Thái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 04 năm 2008
Bà Nguyễn Thị An Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 11 năm 2009
Bà Nguyễn Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 11 năm 2009
Bà Lê Thị Lợi	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm vào ngày 23 tháng 11 năm 2009

TRỤ SỞ VÀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội có trụ sở chính đặt tại số 3, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, một (01) Sở giao dịch, một (01) chi nhánh tại Lào, ba mươi chín (39) chi nhánh, chín mươi lăm (95) phòng giao dịch và bốn (04) điểm giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước, năm (05) công ty con và hai (02) công ty liên kết.

CÔNG TY CON

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có năm (05) công ty con như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG SỐ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ % SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
CÔNG TY QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI	0104000066 ngày 11 tháng 9 năm 2002 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG	0104000003 ngày 5 tháng 6 năm 2000 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Đầu tư và kinh doanh chứng khoán	61,85%
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB (TÊN GỌI BAN ĐẦU LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI)	0104000473 ngày 19 tháng 9 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Quản lý quỹ đầu tư	61,78%
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC MB (*)	0103022148 ngày 25 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp	Kinh doanh bất động sản	65,26%
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT REMAX (*)	0304136549 ngày 8 tháng 2 năm 2010 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Đầu tư xây dựng công trình khu dân cư, cao ốc văn phòng	78,09%

(*) Sở hữu gián tiếp qua các Công ty con

CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng có hai (02) công ty liên kết như sau:

TÊN CÔNG TY	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG SỐ	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ % SỞ HỮU CỦA NGÂN HÀNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VIETASSET	0102749334 ngày 27 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội	Đầu tư xây dựng	45,00%
CÔNG TY CỔ PHẦN LONG THUẬN LỘC	4703000542 ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp	Xây dựng công trình	29,37%

NHÂN VIÊN

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.079 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: 2.999 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lợi nhuận chưa phân phối hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các hướng dẫn kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

2.2 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN MỚI

Trong năm 2010, Ngân hàng thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, Ngân hàng không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Ngoài ra, trong năm Ngân hàng cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên.

2.4 HỢP NHẤT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo tài chính với niên độ kế toán của Ngân hàng và sử dụng các chính sách kế toán phù hợp với các quy định hiện hành.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của các công ty con (như được trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Lợi ích của cổ đông thiểu số là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích của cổ đông thiểu số được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong thu nhập của hệ thống Ngân hàng cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt.

2.5 CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG

Các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.6 DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

2.6.1 Đối với dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định 18/2007/QĐ NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khách hàng vay được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản vay.

Trong năm 2008, Ngân hàng đã đăng ký và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Công văn số 8738/NHNN-CNH ngày 25 tháng 9 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép Ngân hàng áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để phân loại các khoản cho vay khách hàng theo Điều 7, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN. Theo hệ thống này, các khoản vay của Ngân hàng sẽ được đánh giá và phân loại dựa trên kết hợp cả hai yếu tố là định tính và định lượng.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định trong Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN.

Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

NHÓM	LOẠI	TỶ LỆ DỰ PHÒNG CỤ THỂ
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp khó khăn về tài chính của các tổ chức tín dụng khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng chung tương đương tỷ lệ 0,75% tổng giá trị các khoản nợ được phân loại nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

Chi tiết về phân loại nợ, tính toán dự phòng và số dự phòng Ngân hàng thực tế hạch toán cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày ở Thuyết minh số 8.

2.6.2 Đối với các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng mua bán chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long, là công ty con của Ngân hàng

Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng được Ngân hàng và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long xem xét trích lập dự phòng đối với các hợp đồng đã đến hạn nhưng khách hàng chưa thanh toán. Công ty Cổ phần Chứng Khoán Thăng Long thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu này theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán được chi tiết như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

2.7 CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán nợ, chứng khoán vốn, chứng khoán khác được Ngân hàng và các công ty con mua hần và dự định bán ra trong thời gian ngắn nhằm mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán kinh doanh được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và đầu tư góp vốn dài hạn khác”.

2.8 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

2.8.1 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hần với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hần trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/ phụ trội (nếu có) của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Lãi dự thu được tính và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng.

Định kỳ, chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi có giá trị sụt giảm lâu dài. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và đầu tư góp vốn dài hạn khác”.

2.8.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng và công ty con nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi và Ngân hàng và các công ty con không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược;

hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng quản trị/Ban điều hành.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán luôn được hạch toán theo giá mua.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được hạch toán theo mệnh giá tại thời điểm mua, phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (đối với chứng khoán Nợ trả lãi sau) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán Nợ trả lãi trước), được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian nắm giữ ước tính còn lại của chứng khoán. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các chứng khoán này tiếp tục được ghi nhận theo giá gốc, trừ dự phòng giảm giá, nếu có.

Chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Ngoài ra, các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có báo giá của tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng và công ty xem xét lập dự phòng giảm giá theo phương pháp giá trị tài sản thuần của công ty được đầu tư tính theo tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và đầu tư góp vốn dài hạn khác".

2.9 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Ngân hàng. Thông thường, Ngân hàng được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Ngân hàng trong tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi góp vốn. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Ngân hàng trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Ngân hàng trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi góp vốn được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Ngân hàng trong thay đổi sau khi góp vốn của quỹ dự trữ được ghi nhận vào quỹ dự trữ. Thay đổi lũy kế sau khi góp vốn được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ các công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính của Ngân hàng và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Ngân hàng trong trường hợp cần thiết.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 10.1.

2.10 ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN KHÁC

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng và các công ty con có dưới 20% quyền biểu quyết và đồng thời Ngân hàng và các công ty con là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Định kỳ, các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ đối với các khoản đầu tư chứng khoán và khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn ban đầu vào các đơn vị khác, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được lập nếu tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác của Ngân hàng được trình bày tại Thuyết minh số 10.2.

2.11 CÁC HỢP ĐỒNG MUA LẠI VÀ BÁN LẠI

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại ("REPO") vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản công nợ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại ("Reverse REPO") vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tắt toán và bất kỳ các khoản lãi/(lỗ) phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.13 KHẤU HAO VÀ KHẤU TRỪ

Khấu hao và khấu trừ của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	theo thời hạn thuê
Phần mềm máy vi tính	3 năm

(*): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê.

2.14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là các bất động sản Ngân hàng và các công ty con đầu tư với mục đích cho thuê hoặc thu lợi từ việc tăng giá tài sản. Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm cả chi phí giao dịch và sau đó được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Chi phí khấu hao được hạch toán vào khoản mục chi phí hoạt động khác.

Khấu hao của bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	40 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn (**)	theo thời hạn thuê

(**): Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn thuê.

2.15 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu từ lãi cho vay và chi phí trả lãi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

2.16 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá giao ngay của Ngân hàng vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 42). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.17 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

2.18 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương bao gồm tiền mặt, vàng, đá quý, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, tín phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

2.19 TÀI SẢN ỦY THÁC QUẢN LÝ GIỮ HỘ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác và quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng.

2.20 DỰ PHÒNG CHO CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại và trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán cho các hợp đồng kinh tế thông thường và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm nợ theo hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của Ngân hàng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác ngoại trừ các khoản thư tín dụng quốc phòng.

Theo Công văn số 941/NHNN-TTGSNH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng thương mại mở thư tín dụng quốc phòng và các ngân hàng phát hành bảo lãnh hoặc cam kết hoàn trả tham gia việc thanh toán đối với hợp đồng nhập khẩu trang thiết bị để phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia không bị điều chỉnh bởi quy định về giới hạn cho vay và trích lập dự phòng của Ngân hàng Nhà nước.

Dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng được tính tương tự như dự phòng các khoản cho vay khách hàng tại Thuyết minh số 2.6. Chi phí dự phòng được hạch toán trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng” của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và số dư tài khoản dự phòng cho các cam kết ngoại bảng được theo dõi trên khoản mục các khoản nợ khác của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chi tiết dự phòng cụ thể và dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng được trình bày tại Thuyết minh số 21.

2.21 CÔNG CỤ PHÁI SINH TIỀN TỆ

Các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ

Đối với các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi tiền tệ, chênh lệch giữa giá trị VNĐ của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán tính theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản - khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các tài sản tài chính khác” nếu dương hoặc khoản mục công nợ - khoản mục “Công cụ phái sinh tiền tệ và các công nợ tài chính khác” nếu âm. Chênh lệch

này sau đó được phân bổ tuyến tính vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trong suốt kỳ hạn của hợp đồng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cam kết theo các hợp đồng kỳ hạn và hoán đổi ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay của Ngân hàng vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lãi hoặc lỗ do đánh giá lại được hạch toán vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối”.

2.22 CẢN TRỪ

Tài sản và công nợ tài chính được cản trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cản trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tắt toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.23 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi” trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

2.24 SỬ DỤNG CÁC ƯỚC TÍNH

Việc trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả của các số liệu có liên quan.

2.25 LỢI ÍCH CỦA NHÂN VIÊN

2.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 16% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu do sắp xếp lại lao động được hưởng trợ cấp một tháng lương cơ bản cho một năm (mười hai tháng) công tác và một phần hai tháng lương cơ bản cho mỗi tháng nghỉ hưu trước tuổi (tối đa bằng 30 tháng), hạch toán vào quỹ trợ cấp mất việc làm của Ngân hàng. Ngoài ra người lao động được trợ cấp 3 tháng lương bằng mức lương hiện hưởng (lấy từ lương dự phòng).

2.25.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc sẽ là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm Ngân hàng phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 5% của lợi nhuận sau thuế theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2010, Ngân hàng đã thực hiện trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tương đương với 3% tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

2.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUỲ

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền mặt bằng VNĐ	704.488	436.207
Tiền mặt bằng ngoại tệ	164.283	104.925
	868.771	541.132

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	503.620	1.427.595
Bằng VNĐ	496.687	1.421.944
Bằng ngoại tệ	6.933	5.651
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào	242.386	-
	746.006	1.427.595

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính vào ngày đầu tháng và điều chỉnh mỗi tháng một lần căn cứ vào số dư tiền gửi bình quân của khách hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn của tháng trước với tỷ lệ dự trữ bắt buộc phải duy trì áp dụng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 3% cho tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với Việt Nam Đồng, 4% cho tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với USD, 1% cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với Việt Nam đồng và 2% cho tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên đối với USD. Theo đó, số tiền dự trữ bắt buộc thực tế (bằng VNĐ và ngoại tệ) bình quân trong tháng 12 năm 2010 là 1.301.086 triệu VNĐ.

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào là khoản tiền gửi ký quỹ liên quan đến việc thành lập chi nhánh của Ngân hàng tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào, Ngân hàng phải duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào là 100.774.915.349 LAK, tương đương với 12.430.044 USD. Khoản tiền gửi ký quỹ tại Ngân hàng Nhà nước Lào không được hưởng lãi suất.

5. TIỀN, VÀNG GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG ("TCTD") KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	33.607.220	24.057.876
Cho vay các TCTD khác	45.031	5.095
	33.652.251	24.062.971

5.1 TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền gửi không kỳ hạn	914.247	918.412
- Bằng VNĐ	102.683	547.909
- Bằng ngoại tệ, vàng	811.564	370.503
Tiền gửi có kỳ hạn	32.692.973	23.139.464
- Bằng VNĐ	25.322.101	13.229.950
- Bằng ngoại tệ, vàng	7.370.872	9.909.514
	33.607.220	24.057.876

Mức lãi suất vào cuối năm của các khoản tiền gửi tại các TCTD khác như sau:

	Năm 2010 lãi suất/năm	Năm 2009 lãi suất/năm
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	11,00% - 13,50%	9,40% - 12,00%
Tiền gửi CKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	1,00% - 7,50%	0,10% - 4,50%

5.2 CHO VAY CÁC TCTD KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Cho vay các TCTD khác	45.031	5.095
	45.031	5.095

Cho vay các TCTD khác là khoản cho vay theo hợp đồng REVERSE REPO trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá là 50.000 triệu đồng, lãi suất 17,50%/năm và thời hạn hợp đồng là 64 ngày.

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Chứng khoán Nợ		
Đã niêm yết	-	122.477
Chưa niêm yết	675	-
Chứng khoán Vốn		
Đã niêm yết	876.996	536.855
Chưa niêm yết	943.518	24.774
	1.821.189	684.106

7. CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	45.103.378	26.958.349
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	61.519	9.983
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	117.008	96.130
	45.281.905	27.064.462

Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	3.514.682	2.523.479
	48.796.587	29.587.941

	Năm 2010 lãi suất/năm	Năm 2009 lãi suất/năm
Cho vay thương mại bằng VNĐ	12,00% - 17,50%	9,50% - 12,00%
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	5,00% - 7,50%	4,00% - 11,00%

7.1 PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NỢ CHO VAY

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Nợ đủ tiêu chuẩn	44.043.228	25.778.282
Nợ cần chú ý	625.506	818.438
Nợ dưới tiêu chuẩn	124.717	213.354
Nợ nghi ngờ	71.005	77.025
Nợ có khả năng mất vốn	417.449	177.363
	45.281.905	27.064.462
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long		
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	3.514.682	2.523.479
	48.796.587	29.587.941

7.2 PHÂN TÍCH DƯ NỢ THEO THỜI GIAN KHOẢN CHO VAY GỐC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Nợ ngắn hạn	29.235.903	15.756.724
Nợ trung hạn	10.102.472	7.487.475
Nợ dài hạn	5.943.530	3.820.263
	45.281.905	27.064.462
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long		
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	3.514.682	2.523.479
	48.796.587	29.587.941

7.3 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG VÀ THEO LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
Cho vay các TCKT	37.965.199	22.704.726
Doanh nghiệp nhà nước trung ương	3.369.308	2.921.579
Doanh nghiệp nhà nước địa phương	252.013	371.419
Công ty TNHH nhà nước	5.055.499	972.484
Công ty TNHH tư nhân	9.033.211	4.308.299
Công ty cổ phần nhà nước	1.618.367	835.422
Công ty cổ phần khác	18.019.577	12.607.188
Doanh nghiệp tư nhân	466.489	370.223
Khác	150.735	318.112
Cho vay cá nhân	7.316.706	4.359.736
	45.281.905	27.064.462
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long		
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	3.514.682	2.523.479
	48.796.587	29.587.941

7.4 PHÂN TÍCH DƯ NỢ CHO VAY THEO NGÀNH

Phân tích dư nợ cho vay theo các ngành kinh tế tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Dư nợ cho vay khách hàng của Ngân hàng		
<i>Cho vay các TCKT</i>	37.965.199	22.704.726
Nông nghiệp và lâm nghiệp	2.371.704	1.752.875
Công nghiệp khai thác mỏ	1.524.714	1.128.756
Công nghiệp chế biến	9.652.349	5.546.332
SX và PP điện khí đốt và nước	3.556.825	917.445
Xây dựng	3.839.417	1.804.689
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	9.769.661	5.564.390
Khách sạn và nhà hàng	107.148	88.852
Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	4.792.738	4.010.695
Các hoạt động liên quan KD tài sản và dịch vụ tư vấn	1.612.481	1.063.682
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	319.650	135.622
Ngành khác	418.512	691.388
<i>Cho vay cá nhân</i>	7.316.706	4.359.736
	45.281.905	27.064.462
Các khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long		
Các hợp đồng REPO, hỗ trợ tài chính và ứng trước cho khách hàng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long	3.514.682	2.523.479
	48.796.587	29.587.941

8. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC KHÁCH HÀNG

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2010 bao gồm các khoản sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	257.199	189.983	447.182
Số tiền đã trích trong năm	398.149	122.427	520.576
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2010	(22.611)	-	(22.611)
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2010	632.737	312.410	945.147
<i>Trong đó:</i>			
<i>Riêng Ngân hàng</i>	616.156	312.410	928.566
<i>Công ty CP Chứng khoán Thăng Long</i>	16.581	-	16.581
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12 năm 2010	(206.810)	-	(206.810)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	425.927	312.410	738.337

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2009 bao gồm các khoản sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	141.239	105.678	246.917
Số tiền đã trích trong năm	193.530	84.305	277.835
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR từ tháng 1 đến tháng 11	(17.491)	-	(17.491)
Số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2009	317.278	189.983	507.261
Số dự phòng đã sử dụng để XLRR trong tháng 12 năm 2009	(60.079)	-	(60.079)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	257.199	189.983	447.182

Chi tiết phân loại nợ của riêng Ngân hàng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2010 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng theo Điều 7 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Phân loại	Dư nợ cho vay (*)	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung (**)	Tổng số dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	40.725.967	-	305.446	305.446
Nợ cần chú ý	722.773	17.094	5.421	22.515
Nợ dưới chuẩn	115.442	18.519	866	19.385
Nợ nghi ngờ	90.138	30.405	677	31.082
Nợ có khả năng mất vốn	606.791	550.138	-	550.138
	42.261.111	616.156	312.410	928.566

(*): Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2010 của riêng Ngân hàng.

(**): Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản nợ của riêng Ngân hàng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Chi tiết phân loại nợ của riêng Ngân hàng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2009 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng theo Điều 7 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Phân loại	Dư nợ cho vay (*)	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung (**)	Tổng số dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	24.068.949	-	180.517	180.517
Nợ cần chú ý	1.010.598	55.806	7.579	63.385
Nợ dưới chuẩn	142.573	14.377	1.069	15.446
Nợ nghi ngờ	109.034	36.746	818	37.564
Nợ có khả năng mất vốn	244.162	210.349	-	210.349
	25.575.316	317.278	189.983	507.261

(*): Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2009 của riêng Ngân hàng.

(**): Tỷ lệ trích dự phòng chung là 0,75% tổng giá trị các khoản nợ của riêng Ngân hàng được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

9.1 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ SẴN SÀNG ĐỂ BÁN

Chi tiết các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

		2010	2009
Chứng khoán nợ			
Chứng khoán nợ do Chính phủ phát hành	(i)	3.424.105	4.499.299
Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành	(ii)	377.584	294.866
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	(iii)	1.131.975	481.174
Chứng khoán vốn			
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành		196.434	312.458
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành		412.597	669.929
		5.542.695	6.257.726

- Chứng khoán nợ do Chính phủ phát hành bao gồm trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm bằng VNĐ và có lãi suất từ 7,05% đến 17,50%/năm (năm 2009: có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm và lãi suất từ 6,80% đến 17,50%/năm), lãi trả hàng năm;
- Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 5 năm có lãi suất từ 8,15% đến 12,50%/năm (năm 2009: có kỳ hạn từ 3 đến 5 năm và có lãi suất từ 8,15% đến 10,50%/năm), lãi trả hàng năm, hoặc lãi trả trước hàng năm;
- Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 3 đến 7 năm có lãi suất từ 9,30% đến 16,00%/năm (năm 2009: có kỳ hạn từ 3 đến 7 năm và có lãi suất từ 9,60% đến 13,20%/năm), lãi trả hàng năm, hoặc lãi trả trước hàng năm.

9.2 CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Chi tiết các khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 như sau:

		Đơn vị tính: Triệu đồng	
		2010	2009
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn			
Trái phiếu Chính phủ	(i)	4.869.776	920.776
Công trái Giáo dục		-	17.263
Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành	(ii)	3.299.191	1.064.580
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	(iii)	1.990.000	1.640.000
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô		-	5.000
		10.158.967	3.647.619

(i) Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 2 đến 10 năm bằng VNĐ và có lãi suất từ 7,95% đến 12,10%/năm (năm 2009: có kỳ hạn từ 5 đến 10 năm và có lãi suất từ 7,95% đến 8,75%/năm), lãi trả hàng năm hoặc trả một lần khi đáo hạn;

(ii) Chứng khoán nợ do các TCTD khác phát hành gồm các trái phiếu chuyển đổi do Công ty Tài chính Sông Đà phát hành, có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 9,90%/năm (năm 2009: 9,90%/năm), trả lãi hàng năm; trái phiếu chuyển đổi do Ngân hàng thương mại cổ phần Nhà Hà Nội phát hành, có kỳ hạn 1 năm, lãi suất 10,49%/năm, trả lãi một lần khi đáo hạn và các trái phiếu có kỳ hạn từ 2 đến 11 năm, có lãi suất từ 4,00% đến 13,20%/năm (năm 2009: có kỳ hạn từ 1 đến 10 năm với lãi suất từ 4,50% đến 13,20%/năm), lãi trả hàng năm, hoặc lãi trả trước hàng năm;

(iii) Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành trái phiếu có kỳ hạn từ 3 đến 7 năm có lãi suất từ 9,30% đến 16,00%/năm (năm 2009: có kỳ hạn từ 1 đến 10 năm và có lãi suất từ 9,50% đến 12,75%/năm), lãi trả hàng năm, hoặc lãi trả trước hàng năm.

10. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

		Đơn vị tính: Triệu đồng	
		2010	2009
Đầu tư vào công ty liên kết		50.105	63.815
Đầu tư góp vốn dài hạn khác		1.610.833	883.100
		1.660.938	946.915
Dự phòng giảm giá (xem Thuyết minh số 11.3)		(84.025)	(55.446)
		1.576.913	891.469

10.1 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng			
2010			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty cổ phần Việt - Asset	45,00%	5.000	5.000
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	29,37%	45.000	45.105
		50.000	50.105

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng			
2009			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Giá trị ròng theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Du lịch Lạng Sơn	33,30%	3.000	1.652
Công ty Cổ phần Long Thuận Lộc	29,37%	61.666	61.666
Công ty TNHH Tư vấn HFM	25,21%	480	497
		65.146	63.815

10.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng		
	2010	2009
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	593.879	343.392
Đầu tư vào các tổ chức tài chính	90.481	229.337
Đầu tư vào các quỹ đầu tư	341.543	273.138
Đầu tư vào các dự án dài hạn	584.930	37.233
	1.610.833	883.100

10. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm góp vốn, đầu tư dài hạn như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Số dư tại ngày 1 tháng 1	883.100	1.362.321
Phân loại lại	716	(618.112)
Bán trong năm	(56.450)	-
Vốn góp tăng trong năm	783.467	138.891
Số dư tại ngày 31 tháng 12	1.610.833	883.100

11. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN KHÁC

11.1 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Chứng khoán kinh doanh		
Chứng khoán niêm yết	107.775	64.152
Chứng khoán chưa niêm yết	23.626	1.441
	131.401	65.593

11.2 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	63.138	231.106
<i>Chứng khoán vốn</i>	11.838	231.106
<i>Chứng khoán nợ</i>	51.300	-
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	75.000	-
	138.138	231.106

Chính sách dự phòng vào các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 2.8.1 và 2.8.2.

11.3 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Vốn góp vào các quỹ đầu tư	6.698	45.086
Cổ phiếu chưa niêm yết do các TCTC và TCKT trong nước phát hành	77.327	10.360
	84.025	55.446

Chính sách dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn dài hạn khác được trình bày tại Thuyết minh số 2.10.

11.4 THAY ĐỔI DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN VÀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN KHÁC TRONG NĂM

	Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Chứng khoán kinh doanh	Chứng khoán đầu tư	Góp vốn, đầu tư dài hạn	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	65.593	231.106	55.446	352.145
Trích thêm trong năm	65.808	133.326	43.247	242.381
Hoàn nhập trong năm	-	(9.277)	(1.775)	(11.052)
Dự phòng trích thêm/(hoàn nhập) trong năm	65.808	124.049	41.472	231.329
Sử dụng quỹ dự phòng cho việc bán danh mục cổ phiếu niêm yết	-	(217.017)	(12.893)	(229.910)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	131.401	138.138	84.025	353.564

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

12.1 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	73.098	247.234	118.178	23.102	461.612
Tăng trong năm	237	60.635	33.854	6.586	101.312
Giảm trong năm	-	(1.717)	-	(404)	(2.121)
Số dư cuối năm	73.335	306.152	152.032	29.284	560.803
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	10.968	138.033	38.660	8.818	196.479
Tăng trong năm	4.151	65.518	26.127	6.001	101.797
Giảm trong năm	-	(537)	-	(293)	(830)
Số dư cuối năm	15.119	203.014	64.787	14.526	297.446
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	62.130	109.201	79.518	14.284	265.133
Số dư cuối năm	58.216	103.138	87.245	14.758	263.357

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	71.339	201.024	80.075	16.227	368.665
Tăng trong năm	1.789	47.475	41.006	7.454	97.724
Giảm trong năm	(30)	(1.265)	(2.903)	(579)	(4.777)
Số dư cuối năm	73.098	247.234	118.178	23.102	461.612
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm	6.921	80.248	21.797	3.081	112.047
Tăng trong năm	4.077	58.975	17.654	5.993	86.699
Khấu hao trong năm	4.077	58.900	17.035	5.993	86.005
Tăng khác	-	75	619	-	694
Giảm trong năm	(30)	(1.190)	(791)	(256)	(2.267)
Số dư cuối năm	10.968	138.033	38.660	8.818	196.479
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	64.418	120.776	58.278	13.146	256.618
Số dư cuối năm	62.130	109.201	79.518	14.284	265.133

12.2 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng				
	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	35.464	86.415	277.325	399.204
Tăng trong năm	617.691	11.964	-	629.655
Giảm trong năm	-	(100)	(14)	(114)
Số dư cuối năm	653.155	98.279	277.311	1.028.745
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	3.136	38.160	-	41.296
Tăng trong năm	1.556	25.731	5	27.292
Giảm trong năm	-	(8)	(5)	(13)
Số dư cuối năm	4.692	63.883	-	68.575
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	32.328	48.255	27.325	357.908
Số dư cuối năm	648.463	34.396	277.311	960.170

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng				
	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy vi tính	Tài sản cố định vô hình khác (*)	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	35.464	76.877	277.311	389.652
Tăng trong năm	-	9.538	14	9.552
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	35.464	86.415	277.325	399.204
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	2.746	14.130	-	16.876
Tăng trong năm	390	24.030	-	24.420
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.136	38.160	-	41.296
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	32.718	62.747	277.311	372.776
Số dư cuối năm	32.328	48.255	277.325	357.908

(*): Các tài sản vô hình gắn liền với khách sạn quốc tế ASEAN, Ngân hàng hiện chưa nhận được các hướng dẫn của các cơ quan nhà nước về phương pháp hạch toán kế toán đối với giá trị của các hạng mục tài sản này, cũng như đối với phương pháp trích hao mòn phù hợp vì thế Ngân hàng chưa tính khấu hao trong năm.

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Tình hình về bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	2.201	353.207	355.408
Tăng trong năm	-	83.485	83.485
Giảm trong năm	(2.201)	(305.827)	(308.028)
Số dư cuối năm	-	130.865	130.865
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	220	50	270
Tăng trong kỳ	-	51	51
Giảm trong năm	(220)	-	(220)
Số dư cuối năm	-	101	101
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	1.981	353.157	355.138
Số dư cuối năm	-	130.764	130.764

Tình hình về bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	2.201	513.870	516.071
Tăng trong năm	-	14.200	14.200
Giảm trong năm	-	(174.863)	(174.863)
Số dư cuối năm	2.201	353.207	355.408
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	165	-	165
Tăng trong kỳ	55	50	105
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	220	50	270
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	2.036	513.870	515.906
Số dư cuối năm	1.981	353.157	355.138

14. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Đơn vị tính: Triệu đồng		
	2010	2009
Các khoản phải thu nội bộ	13.422	96.826
Các khoản phải thu bên ngoài (*)	4.133.966	705.408
	4.147.388	802.234

(*): Chi tiết các khoản phải thu bên ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010
Các hợp đồng cam kết mua và bán lại chứng khoán	1.866.927
Các khoản ủy thác	1.021.597
Các khoản phải thu khác	1.245.442
	4.133.966

15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

Đơn vị tính: Triệu đồng		
	2010	2009
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	8.768.803	4.708.749
	8.768.803	4.708.749

Các khoản nợ Chính Phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thể hiện khoản tiền Ngân hàng nhận được từ các hợp đồng cam kết bán và mua lại Trái phiếu Chính phủ với Ngân hàng Nhà nước thông qua thị trường mở và các khoản vay thấu chi.

16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền gửi không kỳ hạn	226.223	1.113.102
<i>Bằng VNĐ</i>	123.015	1.102.350
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	103.208	10.752
Tiền gửi có kỳ hạn	12.380.124	9.516.869
<i>Bằng VNĐ</i>	11.435.936	6.302.086
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	944.188	3.214.783
Vay các tổ chức tín dụng khác	4.310.305	1.066.934
<i>Bằng VNĐ</i>	2.284.000	502.000
<i>Bằng vàng và ngoại tệ</i>	2.026.305	564.934
	16.916.652	11.696.905

Mức lãi suất tiền gửi cuối năm như sau:

	Năm 2010 lãi suất/năm	Năm 2009 lãi suất/năm
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	8,00 - 13,5%	7,00% - 12,00%
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	0,60 - 3,50%	0,10% - 3,50%

17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

17.1 THUYẾT MINH THEO LOẠI HÌNH TIỀN GỬI

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
<i>Tiền, vàng gửi không kỳ hạn</i>	20.087.077	14.567.183
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	14.124.919	9.949.762
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	45.331	22.303
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	5.908.307	4.580.720
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.520	14.398
<i>Tiền, vàng gửi có kỳ hạn</i>	39.809.078	23.170.207
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	16.252.081	6.878.809
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	17.382.271	10.833.841
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.335.201	2.022.170
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.839.525	3.435.387
<i>Tiền gửi vốn chuyên dùng</i>	3.113.991	197.049
<i>Tiền ký quỹ</i>	2.730.692	2.044.008
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	616.040	571.490
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	2.114.652	1.472.518
	65.740.838	39.978.447

17.2 THUYẾT MINH THEO ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG, LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền gửi của TCKT	42.302.935	24.786.146
Tiền gửi của cá nhân	23.437.903	15.192.301
	65.740.838	39.978.447

	Năm 2010 lãi suất/năm	Năm 2009 lãi suất/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40%	2,40%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40%	2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25%	0,25% - 1,00%

	Năm 2010 lãi suất/năm	Năm 2009 lãi suất/năm
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,25%	0,25% - 1,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,00% - 14,00%	7,00% - 10,50%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	8,00% - 14,00%	7,00% - 10,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,90% - 5,00%	1,30% - 4,20%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,90% - 5,00%	1,30% - 4,20%

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo chính sách của Ngân hàng theo từng thời kỳ.

18. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	92.214	90.861
Vốn nhận của tổ chức khác	24.794	383.768
	117.008	474.629

Nguồn vốn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam thể hiện khoản vốn của Ngân hàng Thế giới (thông qua Hiệp hội Phát triển Quốc tế) hỗ trợ cho Dự án Tài chính Nông thôn II và Dự án Tài chính Nông thôn III theo Hiệp định Tín dụng ngày 09 tháng 09 năm 2002 giữa Ngân hàng Thế giới và Bộ Tài chính, theo đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") là đơn vị thực hiện. Ngân hàng ký hợp đồng phụ với BIDV vào ngày 10 tháng 05 năm 2004 và sửa đổi hợp đồng phụ vào ngày 16 tháng 7 năm 2005. Tổng hạn mức tín dụng của BIDV đối với hai hợp đồng trên là 100 tỷ đồng Việt Nam được điều chỉnh hàng năm và phải trả theo lịch thanh toán cụ thể phụ thuộc vào kỳ hạn của từng khoản vay hay từng nhóm các khoản vay trong từng hợp đồng cụ thể. Ngân hàng trả lãi suất LIBOR 6 tháng cộng một khoản chênh lệch. Lãi suất này sẽ được điều chỉnh 6 tháng một lần trong suốt thời hạn trả nợ của khoản vay.

19. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

		Đơn vị tính: Triệu đồng	
		2010	2009
Trái phiếu phổ thông phát hành năm 2010	(i)	3.530.000	-
Trái phiếu phổ thông phát hành năm 2009	(ii)	830.000	830.000
Giấy tờ có giá khác	(iii)	50.642	278.537
Trái phiếu do Công ty CP CK Thăng Long phát hành	(iv)	100.000	1.312.000
Kỳ phiếu do Công ty CP CK Thăng Long phát hành	(v)	900.000	-
		5.410.642	2.420.537

(i) Trái phiếu phổ thông của Ngân hàng phát hành 5 đợt bao gồm:

Đợt phát hành	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Giá trị triệu đồng
Đợt 1	27 tháng 8 năm 2010	24 và 36 tháng	11,11% - 12,5%	1.180.000
Đợt 2	20 tháng 9 năm 2010	24 tháng	11,11%	200.000
Đợt 3	27 tháng 9 năm 2010	24 tháng	11,11%	50.000
Đợt 4	28 tháng 10 năm 2010	24 tháng	11,11%	100.000
Đợt 5	28 tháng 12 năm 2010	11 năm	12,00%	2.000.000
				3.530.000

(ii) Trái phiếu phổ thông của Ngân hàng phát hành ngày 17 tháng 6 năm 2009 kỳ hạn 2 năm bằng VNĐ và có lãi suất 10,00%/năm, lãi trả vào ngày đến hạn hàng năm;

(iii) Giấy tờ có giá khác của Ngân hàng bao gồm chứng chỉ tiền gửi phát hành 3 đợt, có kỳ hạn từ 6 đến 36 tháng, lãi suất từ 10,50% đến 14,00%/năm.

(iv) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long phát hành có kỳ hạn 2 năm bằng VNĐ lãi suất 11,00%/năm, trả một lần khi đáo hạn.

(v) Kỳ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng			
Ngày phát hành	Loại tiền	Kỳ hạn	Lãi suất	2010
30 tháng 09 năm 2010	VNĐ	3 tháng	11,70%/năm	300.000
11 tháng 10 năm 2010	VNĐ	3 tháng	11,70%/năm	200.000
23 tháng 12 năm 2010	VNĐ	2 tháng	13,50%/năm	400.000
				900.000

20. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Các khoản phải trả nội bộ	119.080	47.144
Các khoản phải trả bên ngoài	807.956	537.313
Tiền đặt cọc của nhà đầu tư theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán	904.856	901.950
	1.831.892	1.486.407

21. DỰ PHÒNG CHO CÁC CAM KẾT NGOẠI BẢNG

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2010 và dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng tương ứng theo Điều 7 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng			
Phân loại	Giá trị các cam kết (*)	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung (**)	Tổng số dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	18.807.625	-	141.058	141.058
Nợ cần chú ý	-	-	-	-
Nợ dưới chuẩn	-	-	-	-
Nợ nghi ngờ	-	-	-	-
Nợ có khả năng mất vốn	-	-	-	-
	18.807.625	-	141.058	141.058

(*): Số dư vào ngày 30 tháng 11 năm 2010

(**): Ngân hàng đã trích đủ dự phòng chung.

Thay đổi dự phòng cho các cam kết ngoại bảng trong năm 2010 như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	-	203.387	203.387
Hoàn nhập trong năm	-	(62.329)	(62.329)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	141.058	141.058

Thay đổi dự phòng cho các cam kết ngoại bảng trong năm 2009 như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	-	116.840	116.840
Chi phí trích lập trong năm	-	86.547	86.547
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	-	203.387	203.387

22. THUẾ PHẢI TRẢ

	Đơn vị tính: Triệu đồng				
	Phát sinh trong năm				
	Số dư đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Tăng/(Giảm) khác	Số dư cuối năm
Thuế GTGT	(2.995)	43.802	(36.503)	-	4.320
Thuế TNDN	149.345	551.445	(439.841)	(17)	260.932
Các loại thuế khác	6.888	137.033	(113.676)	(8)	30.241
	153.238	732.300	(590.020)	(25)	295.493

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

22. THUẾ PHẢI TRẢ (tiếp theo)

22.1 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên tổng lợi nhuận chịu thuế (năm 2009: 25%).

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế hợp nhất	2.288.071	1.505.070
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế của riêng Ngân hàng	2.166.832	1.331.369
Thu nhập không chịu thuế (bao gồm cổ tức và công trái giáo dục miễn thuế TNDN)	(102.062)	(84.358)
Thu nhập sau thuế từ việc bán tài sản đầu tư ủy thác qua công ty con	-	(51.309)
Thu nhập chịu thuế TNDN của riêng Ngân hàng	2.064.770	1.195.702
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành của riêng Ngân hàng theo thuế suất 25% (i)	516.192	298.926
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế của các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất	121.239	173.701
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành của các công ty con (ii)	35.203	32.417
Chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành của toàn hệ thống (i) + (ii)	551.395	331.343
Thuế phải nộp bổ sung theo Biên bản Quyết toán thuế	50	210
Thuế TNDN phải trả phát sinh trong kỳ	551.445	331.553
Thuế TNDN phải trả đầu năm	149.345	71.755
Thuế TNDN đã trả trong năm	(439.841)	(253.963)
Giảm khác	(17)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	260.932	149.345

22.2 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Trong năm 2010, Ngân hàng ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với tổng số tiền là 8.494 triệu đồng cho phần chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính bằng phần chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết trích lập trong kỳ nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng trong năm 2011 là 25%.

23. VỐN, QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con và lợi ích cổ đông thiểu số

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của Ngân hàng và các công ty con và lợi ích cổ đông thiểu số trong năm 2010 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu khác	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	5.300.000	869.685	165.696	91.363	60.820	397.307	3.201	607.436	7.495.508
Tăng trong kỳ	2.000.000	(615.920)	106.747	56.565	344.280	1.204.836	-	263.105	3.359.613
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	1.712.078	-	33.092	1.745.170
Phát hành cổ phiếu	1.400.000	-	-	-	-	-	-	-	1.400.000
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	600.000	(600.000)	-	-	-	-	-	-	-
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2009	-	-	98.082	51.622	190.001	(339.705)	-	-	-
Tạm trích các quỹ năm 2010	-	-	8.315	4.943	154.279	(167.537)	-	-	-
Tăng thặng dư do bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược	-	20.645	-	-	-	-	-	-	20.645
Hoàn trả cổ đông vốn góp thừa theo báo cáo số 107/MB-HĐQT gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 27 tháng 2 năm 2010	-	(36.565)	-	-	-	-	-	-	(36.565)
Tăng vốn góp của các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	230.013	230.013
Thu hồi nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng tài chính	-	-	350	-	-	-	-	-	350
Giảm trong kỳ	-	-	(25)	(3.962)	(274.239)	(820.804)	(3.201)	(11.777)	(1.114.008)
Sử dụng trong kỳ	-	-	(158)	-	(271.874)	-	-	-	(272.032)
Tạm ứng cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(812.836)	-	(11.660)	(824.496)
Các khoản thuế phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	-	-	-	-	-	(447)	-	-	(447)
Giảm phần chia lợi nhuận cho các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(6.032)	(6.032)
Tăng/giảm vốn và quỹ cho các cổ đông thiểu số	-	-	133	(3.962)	(2.365)	-	-	6.194	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	(7.521)	(3.201)	(279)	(11.001)
Số dư cuối kỳ	7.300.000	253.765	272.418	143.966	130.861	781.339	-	858.764	9.741.113

23. VỐN, QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (tiếp theo)

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con và lợi ích cổ đông thiểu số (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn và các quỹ của Ngân hàng và các công ty con và lợi ích cổ đông thiểu số trong năm 2009 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu khác	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	3.400.000	30.200	108.565	58.209	28.799	288.766	509.525	252.589	4.676.653
Tăng trong kỳ	1.900.000	839.485	64.652	35.792	214.863	776.523	(506.324)	378.483	3.703.474
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	1.094.721	-	79.006	1.173.727
Phát hành cổ phiếu	679.997	549.963	-	-	-	-	-	-	1.229.960
Tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần	220.003	(220.003)	-	-	-	-	-	-	-
Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2007 thành cổ phiếu	1.000.000	-	-	-	-	-	-	-	1.000.000
Tăng nguồn vốn bổ sung từ lợi nhuận để lại	-	-	-	-	-	(3.201)	3.201	-	-
Trích bổ sung các quỹ cho năm 2008	-	-	58.236	30.733	117.525	(206.494)	-	-	-
Tạm trích các quỹ năm 2009	-	-	6.106	5.059	97.338	(108.503)	-	-	-
Chuyển thặng dư trái phiếu chuyển đổi đã chuyển đổi từ vốn chủ sở hữu khác sang thặng dư vốn cổ phần	-	509.525	-	-	-	-	(509.525)	-	-
Tăng vốn góp của các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	299.477	299.477
Thu hồi nợ đã xử lý bằng quỹ dự phòng tài chính	-	-	310	-	-	-	-	-	310
Giảm trong kỳ	-	-	(7.521)	(2.638)	(182.842)	(667.982)	-	(23.636)	(884.619)
Sử dụng trong kỳ	-	-	(4.779)	-	(184.852)	-	-	-	(189.631)
Tạm ứng cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(667.262)	-	(21.300)	(688.562)
Trả cổ tức các năm trước	-	-	-	-	-	(440)	-	-	(440)
Các khoản thuế phải nộp thêm theo biên bản quyết toán thuế	-	-	-	-	-	(280)	-	-	(280)
Giảm phần chia lợi nhuận cho các cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(5.706)	(5.706)
Tăng/giảm vốn và quỹ cho các cổ đông thiểu số	-	-	(2.742)	(2.638)	2.010	-	-	3.370	-
Số dư cuối kỳ	5.300.000	869.685	165.696	91.363	60.820	397.307	3.201	607.436	7.495.508

23. VỐN, QUỸ CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ (tiếp theo)

23.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết phần vốn đầu tư của TCTD như sau:

	2010			2009		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
Vốn góp của cổ đông	7.300.000	7.300.000	-	5.300.000	5.300.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	253.765	253.765	-	869.685	869.685	-
	7.553.765	7.553.765	-	6.169.685	6.169.685	-

23.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP, các ngân hàng thương mại phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế dựa trên số liệu trong các báo cáo tài chính được lập riêng cho Ngân hàng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Không quy định	Không quy định

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại).

Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ đầu tư phát triển	Không quy định	Không quy định
Quỹ khen thưởng phúc lợi	Không quy định	Không quy định

Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP.

Việc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2010 được thực hiện vào năm tiếp theo theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

Các quỹ khác được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

23.3 Các quỹ dự trữ của các Công ty con

Các quỹ dự trữ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Theo thông tư 11/2000/TT- BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, các công ty chứng khoán phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% Vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trích lập các quỹ dự trữ của các công ty con khác:

Các công ty con khác trích lập các quỹ dự trữ theo hướng dẫn của Ngân hàng. Các tỷ lệ trích lập thông thường phù hợp với các tỷ lệ áp dụng cho các tổ chức tín dụng theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

23.4 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Ngân hàng chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Chi tiết lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009 số trình bày lại (*)
Lợi nhuận sau thuế	1.712.078	1.094.721
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	601.890.411	376.272.495
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.845	2.909

(*): Số trình bày lại theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi trên cổ phiếu, do trong năm 2010, Ngân hàng có nghiệp vụ tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Số liệu lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu năm 2009 trước trình bày lại như sau:

	2009
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành năm 2009 (cổ phiếu)	370.947.945
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	2.951

24. CỔ TỨC

Chi tiết về chia cổ tức trong năm bao gồm:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Trả cổ tức bằng tiền		
Trả cổ tức cho năm trước	-	440
Tạm ứng cổ tức cho năm hiện hành	812.836	667.262
	812.836	667.702
Trả cổ tức bằng cổ phiếu		
Cổ phiếu thưởng bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần	600.000	220.003
	600.000	220.003
	1.412.836	887.705

Ngân hàng tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010 cho các cổ đông với tỷ lệ là 9,00% tính trên vốn điều lệ theo số ngày thực tế đưa vốn vào hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và đợt 2 với tỷ lệ là 15,00% đối với các cổ phiếu phát hành đợt 1 năm 2010 và 6% đối với các cổ phiếu phát hành từ năm 2009 trở về trước.

	Đơn vị tính: Triệu đồng
Đợt	Số tiền
Đợt 1 - Theo Thông báo số 362/TB-MB-HĐQT ngày 23/8/2010	477.000
Đợt 2 - Theo Thông báo số 584/TB-MB-HĐQT ngày 10/12/2010	335.836
	812.836

Phát hành cổ phiếu thưởng năm 2010 cho các cổ đông với tỷ lệ là 67:6 theo Thông báo số 584/TB-MB-HĐQT ngày 10/12/2010.

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Thu nhập lãi tiền gửi	2.609.837	973.464
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	4.817.750	2.243.558
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	1.227.110	822.543
Thu khác từ hoạt động tín dụng	110.909	10.856
	8.765.606	4.050.421

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Trả lãi tiền gửi	3.927.077	1.825.112
Trả lãi tiền vay	993.547	154.701
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	324.626	225.937
Chi phí hoạt động tín dụng khác	1.252	6.603
	5.246.502	2.212.353

27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Bảo lãnh	208.622	110.718
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	148.466	114.587
Dịch vụ chứng khoán	240.147	197.094
Dịch vụ quản lý quỹ	16.692	14.429
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khách sạn	30.894	31.180
Doanh thu từ hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	24.753	129
Doanh thu từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	39.684	28.754
Các dịch vụ khác	26.273	28.090
	735.531	524.981

27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ (tiếp theo)

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(30.210)	(24.955)
Chi phí cho hoạt động kinh doanh khách sạn	(22.748)	(18.449)
Chi phí hoạt động mua bán, thu hồi và thẩm định	(9.154)	(9.642)
Chi phí từ hoạt động quản lý dịch vụ cho thuê	(28.213)	(25.470)
Chi phí về dịch vụ chứng khoán	(47.923)	(40.772)
Các dịch vụ khác	(8.445)	(24.999)
	(146.693)	(144.287)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	588.838	380.694

28. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	181.596	118.413
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	91.280	105.325
	272.876	223.738
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(148.870)	(136.493)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(122.663)	(160.011)
	(271.533)	(296.504)
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.343	(72.766)

29. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009 số trình bày lại
Thu nhập từ mua bán chứng khoán	174.456	367.546
Chi phí về mua bán chứng khoán	(178.850)	(151.505)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh và đầu tư	(4.394)	216.041

30. (CHI PHÍ)/HOÀN NHẬP DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN KINH DOANH, CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN DÀI HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (xem thuyết minh số 11.4)	(65.808)	(6.890)
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (xem thuyết minh số 11.4)	(124.049)	4.686
(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn dài hạn khác (xem thuyết minh số 11.4)	(41.472)	78.278
	(231.329)	76.074

31. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Thu từ các khoản nợ đã xử lý	40.568	56.654
Thu từ cho thuê tài sản	80	8
Thu từ hoạt động kinh doanh mua bán bất động sản	67.506	92.606
Thu nhập khác	15.422	27.748
	123.576	177.016

32. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	8.223	8.737
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	86.091	57.282
Chi về tài sản	41.711	30.104
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	20.746	18.478
Chi phí hoạt động khác	400.912	209.327
	557.683	323.928

33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	868.771	541.132
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	746.006	1.427.595
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	914.247	918.412
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác CKH không quá ba (03) tháng	26.674.909	22.280.989
	29.203.933	25.168.128

34. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THỂ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	Giá trị tại thời điểm lập báo cáo	
	2010	2009
Bất động sản	42.702.090	14.018.037
Động sản	37.369.639	17.092.803
Chứng từ có giá	3.137.877	6.970.460
Tài sản khác	978.795	176.841
	84.188.401	38.258.141

35. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	2.272.794	1.463.189
Bảo lãnh vay vốn	26.110	647.525
Bảo lãnh dự thầu	613.860	491.339
Bảo lãnh thanh toán	2.934.622	623.136
Bảo lãnh khác	4.318.959	2.683.205
Cam kết thư tín dụng	42.942.888	19.392.604
Các cam kết cho vay chưa giải ngân	4.581.820	2.123.426
	57.691.053	27.424.424

36. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

(a)Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:

- » kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
- » có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
- » có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;

(b) Bên liên quan là công ty liên doanh mà Ngân hàng là một bên liên doanh (xem Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 8 - Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh);

(c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;

(d) Bên liên quan là thành viên trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);

(e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Tổng số dư phải thu và phải trả của Ngân hàng với một số cổ đông chính (chiếm từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
Loại giao dịch	Phải thu	(Phải trả)
Giao dịch tiền gửi	3.455.349	(3.614.980)
Vay của Ngân hàng	610.925	-

Tổng số dư phải thu và phải trả của Ngân hàng với một số cổ đông chính (chiếm từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng) tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
Loại giao dịch	Phải thu	(Phải trả)
Giao dịch tiền gửi	679.820	(12.762)
Vay của Ngân hàng	576.375	-

37. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Định hướng của Ngân hàng là trở thành một tập đoàn tài chính đa năng. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, Ngân hàng phải duy trì cơ cấu danh mục tài sản, công nợ và nguồn vốn (bao gồm các khoản mục nội bảng và ngoại bảng) vì mục tiêu an toàn, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng.

Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện đầu tư vào các chứng khoán hay cấp tín dụng cho các ngân hàng khác. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản. Thêm vào đó, Ngân hàng cũng tham gia vào nhiều giao dịch phòng ngừa rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính như các cam kết hoán đổi ngoại tệ cho mục đích quản lý rủi ro lãi suất.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã sử dụng có hiệu quả Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.

Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

38. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro vốn có trong hoạt động kinh doanh của các ngân hàng. Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- » Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- » Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- » Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- » Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Ngân hàng đang sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận như một công cụ quản lý để quản trị rủi ro tín dụng, theo đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên. Dữ liệu và kết quả xếp hạng của khách hàng trên toàn hệ thống được kiểm soát và quản lý tập trung tại Hội sở chính. Đây là cơ sở cho việc cấp tín dụng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng cũng như việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định.

39. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

39.1 Rủi ro lãi suất

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- » Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn, đầu tư dài hạn và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) được xếp loại vào khoản mục không bị định giá lại lãi suất;
- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác; các khoản cho vay và ứng trước khách hàng; các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro được xếp loại vào khoản mục không bị định giá lại lãi suất;
- » Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không bị định giá lại lãi suất.

39. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

39.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

	Không bị định giá lại lãi suất	LÃI SUẤT ĐƯỢC ĐỊNH GIÁ LẠI TRONG VÒNG						Tổng
		Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	868.771	-	-	-	-	-	-	868.771
Tiền gửi tại NHNN	-	746.006	-	-	-	-	-	746.006
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	2.065	27.133.236	5.600.781	647.269	198.900	70.000	-	33.652.251
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	1.821.189	-	-	-	-	-	1.821.189
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	478.706	24.996.284	12.100.591	10.621.014	101.499	498.493	-	48.796.587
Chứng khoán đầu tư (*)	822.996	342.770	1.070.000	1.338.500	2.357.020	7.545.376	2.225.000	15.701.662
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	1.660.938	-	-	-	-	-	-	1.660.938
Tài sản cố định	1.223.527	-	-	-	-	-	-	1.223.527
Bất động sản đầu tư	130.764	-	-	-	-	-	-	130.764
Tài sản Có khác (*)	2.763.089	1.801.982	1.512.557	125.064	-	-	-	6.202.692
Tổng tài sản	7.950.856	56.841.467	20.283.929	12.731.847	2.657.419	8.113.869	2.225.000	110.804.387
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính Phủ, NHNN	-	8.768.803	-	-	-	-	-	8.768.803
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	9.684.967	3.953.956	2.502.770	774.959	-	-	16.916.652
Tiền gửi của khách hàng	-	48.804.183	12.820.438	2.340.343	1.711.302	64.528	44	65.740.838
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	-	-	24.794	92.214	-	-	117.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	606.595	434.477	831.722	6.101	1.531.747	2.000.000	5.410.642
Các khoản nợ khác (*)	2.093.670	235.120	390.326	67.968	-	-	-	2.787.084
Tổng nợ phải trả	2.093.670	68.099.668	17.599.197	5.767.597	2.584.576	1.596.275	2.000.044	99.741.027
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	5.857.186	(11.258.201)	2.684.732	6.964.250	72.843	6.517.594	224.956	11.063.360

(*): Các khoản mục này chưa bao gồm dự phòng rủi ro.

39. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

39.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

	Không bị định giá lại lãi suất	LÃI SUẤT ĐƯỢC ĐỊNH GIÁ LẠI TRONG VÒNG						Tổng
		Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	541.132	-	-	-	-	-	-	541.132
Tiền gửi tại NHNN	-	1.427.595	-	-	-	-	-	1.427.595
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	16.181.337	7.018.064	380.000	261.942	221.628	-	24.062.971
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	684.106	-	-	-	-	-	684.106
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	251.838	11.656.376	10.189.765	7.439.869	48.256	1.837	-	29.587.941
Chứng khoán đầu tư (*)	982.387	599.984	1.324.399	275.518	1.305.896	5.192.161	225.000	9.905.345
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	946.915	-	-	-	-	-	-	946.915
Tài sản cố định	623.041	-	-	-	-	-	-	623.041
Bất động sản đầu tư	355.138	-	-	-	-	-	-	355.138
Tài sản Có khác (*)	1.674.391	-	-	-	-	-	-	1.674.391
Tổng tài sản	5.374.842	30.549.398	18.532.228	8.095.387	1.616.094	5.415.626	225.000	69.808.575
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính Phủ, NHNN	-	4.708.749	-	-	-	-	-	4.708.749
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	8.581.389	1.469.184	1.130.962	300.834	214.536	-	11.696.905
Tiền gửi của khách hàng	-	27.980.202	8.616.016	1.862.763	1.465.387	53.975	104	39.978.447
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	474.629	-	-	-	-	-	-	474.629
Phát hành giấy tờ có giá	-	143.887	99.338	33.154	1.314.158	830.000	-	2.420.537
Các khoản nợ khác(*)	2.030.126	-	-	-	-	-	-	2.030.126
Tổng nợ phải trả	2.504.755	41.414.227	10.184.538	3.026.879	3.080.379	1.098.511	104	61.309.393
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	2.870.087	(10.864.829)	8.347.690	5.068.508	(1.464.285)	4.317.115	224.896	8.499.182

(*): Các khoản mục này chưa bao gồm dự phòng rủi ro.

39. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

39.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VNĐ. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là VNĐ. Trong năm vừa qua, tỷ giá giữa VNĐ và đô la Mỹ có dao động trong biên độ hẹp. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng VNĐ và bằng đô la Mỹ. Các tài sản khác có gốc ngoại tệ của Ngân hàng chủ yếu là bằng đồng đô la Mỹ, một phần là bằng đồng Euro và các đồng tiền khác. Ngân hàng đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	Đơn vị: triệu đồng			
	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	127.998	34.263	1.925	164.186
Tiền gửi tại NHNN	6.933	-	242.386	249.319
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	7.872.122	304.869	14.528	8.191.519
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Cho vay và ứng trước khách hàng	9.386.129	221.211	216.377	9.823.717
Chứng khoán đầu tư	204.750	-	-	204.750
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tài sản cố định	-	-	1.282	1.282
Các tài sản Có khác	110.828	971.753	(192.709)	889.872
Tổng tài sản	17.708.760	1.532.096	283.789	19.524.645
Nợ phải trả				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-
Tiền gửi và vay của các TCTD khác	2.927.465	135.107	11.129	3.073.701
Tiền gửi của khách hàng	15.022.951	1.395.456	25.064	16.443.471
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	(180.377)	11.995	245.186	76.804
Tổng nợ phải trả	17.770.039	1.542.558	281.379	19.593.976
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(618.008)	(10.462)	9.509	(618.961)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	556.729	-	(7.099)	549.630
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(61.279)	(10.462)	2.410	(69.331)

39.2 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VNĐ vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	USD được quy đổi	EUR được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	74.081	30.814	30	104.925
Tiền gửi tại NHNN	5.651	-	-	5.651
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	10.149.629	114.216	14.456	10.278.301
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Cho vay và ứng trước khách hàng	3.571.777	307.213	7.997	3.886.987
Chứng khoán đầu tư	101.580	-	-	101.580
Góp vốn, đầu tư dài hạn	-	-	-	-
Tài sản cố định	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Tài sản Có khác	54.030	1.337	39	55.406
Tổng tài sản	13.956.748	453.580	22.522	14.432.850
Nợ phải trả				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-
Tiền gửi và vay các TCTD khác	3.790.427	10	32	3.790.469
Tiền gửi của khách hàng	10.714.649	788.273	22.831	11.525.753
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	(533.585)	(352.219)	7.488	(878.316)
Tổng nợ phải trả	13.971.491	436.064	30.351	14.437.906
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(279.497)	17.516	(341)	(262.322)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	264.754	-	(7.488)	257.266
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(14.743)	17.516	(7.829)	(5.056)

39.3 Rủi ro thanh khoản

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất đến lần thanh toán cuối cùng theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của Ngân hàng:

- » Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- » Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- » Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay và ứng trước khách hàng được xác định dựa vào ngày đáo hạn của hợp đồng. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn.
- » Thời gian đáo hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- » Các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và là tiền gửi không kỳ hạn.
- » Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- » Thời gian đáo hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

39. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

39.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Đơn vị: triệu đồng							
	QUÁ HẠN	TRONG HẠN					Tổng
		Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	868.771	-	-	-	-	868.771
Tiền gửi tại NHNN	-	746.006	-	-	-	-	746.006
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	27.135.300	5.600.782	846.169	70.000	-	33.652.251
Chứng khoán kinh doanh (*)	478.705	4.439.606	14.854.640	16.732.562	10.087.723	2.203.351	48.796.587
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	-	1.821.189	-	-	-	-	1.821.189
Chứng khoán đầu tư (*)	-	342.770	870.000	1.730.770	10.533.122	2.225.000	15.701.662
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	227.215	1.433.723	1.660.938
Tài sản cố định	-	-	-	-	604.611	618.916	1.223.527
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	2.415	128.349	130.764
Tài sản Có khác (*)	177.146	2.722.831	2.732.606	512.189	36.275	21.645	6.202.692
Tổng tài sản	655.851	38.076.473	24.058.028	19.821.690	21.561.361	6.630.984	110.804.387
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính Phủ, NHNN	-	8.768.803	-	-	-	-	8.768.803
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	11.403.358	3.024.203	2.489.091	-	-	16.916.652
Tiền gửi của khách hàng	-	24.768.091	16.697.227	12.626.156	11.649.320	44	65.740.838
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	-	-	1.090	115.918	-	117.008
Phát hành giấy tờ có giá	-	6.595	34.478	1.837.823	1.531.746	2.000.000	5.410.642
Các khoản nợ khác (*)	-	205.318	1.163.315	701.418	189.749	527.284	2.787.084
Tổng nợ phải trả	-	45.152.165	20.919.223	17.655.578	13.486.733	2.527.328	99.741.027
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	655.851	(7.075.692)	3.138.805	2.166.112	8.074.628	4.103.656	11.063.360

(*): Các khoản mục này chưa bao gồm đến dự phòng rủi ro.

39. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

39.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Đơn vị: triệu đồng							
	QUÁ HẠN	TRONG HẠN					Tổng
		Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	
Tài sản							
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	541.132	-	-	-	-	541.132
Tiền gửi tại NHNN	-	1.427.595	-	-	-	-	1.427.595
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	-	16.181.337	7.018.064	641.942	221.628	-	24.062.971
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	684.106	-	-	-	-	684.106
Cho vay và ứng trước khách hàng (*)	251.838	2.421.391	9.545.504	9.036.403	6.790.813	1.541.992	29.587.941
Chứng khoán đầu tư (*)	-	599.983	1.324.399	1.581.415	6.174.548	225.000	9.905.345
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	946.915	946.915
Tài sản cố định	-	-	-	-	623.041	-	623.041
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	355.138	-	355.138
Tài sản Có khác (*)	-	606.426	-	1.008.841	53.439	5.685	1.674.391
Tổng tài sản	251.838	22.461.970	17.887.967	12.268.601	14.218.607	2.719.592	69.808.575
Nợ phải trả							
Các khoản nợ Chính Phủ và NHNN	-	4.708.749	-	-	-	-	4.708.749
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	8.581.388	1.469.184	1.431.796	214.537	-	11.696.905
Tiền gửi của khách hàng	-	16.277.356	11.045.442	8.115.634	4.539.911	104	39.978.447
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	-	-	-	383.768	90.861	-	474.629
Phát hành giấy tờ có giá	-	143.887	99.338	1.347.312	830.000	-	2.420.537
Các khoản nợ khác (*)	-	622.820	60.776	1.294.497	52.033	-	2.030.126
Tổng nợ phải trả	-	30.334.200	12.674.740	12.573.007	5.727.342	104	61.309.393
Mức chênh thanh khoản ròng	251.838	(7.872.230)	5.213.227	(304.406)	8.491.265	2.719.488	8.499.182

(*): Các khoản mục này chưa bao gồm đến dự phòng rủi ro.

40. CAM KẾT VỐN VÀ THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị tính: Triệu đồng	
	2010	2009
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	692.565	465.225
Trong đó:		
Đến hạn trong 1 năm	33.546	61.849
Đến hạn từ 2 đến 5 năm	320.041	253.883
Đến hạn sau 5 năm	338.978	149.493

41. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

42. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	Đơn vị tính: Đồng	
	2010	2009
USD	19.500	18.469
EUR	27.414	26.383
GBP	31.827	29.639
CHF	21.901	17.712
JPY	252	198
SGD	15.961	13.070
CAD	20.471	17.435
AUD	20.876	16.469

Người lập

Bà NGUYỄN THU HƯƠNG
Phó phòng Kế toán

Người phê duyệt

Bà LÊ THỊ LỢI
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt



Ông LÊ CÔNG
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam - Ngày 10 tháng 3 năm 2011

Trăng rằm

Nhân ái



Hoạt động XÃ HỘI

- » Hoạt động cộng đồng
- » Giải thưởng & thành tích

Gắn kết CỘNG ĐỒNG

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH	THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGÂN SÁCH (triệu đồng)
1.	XÂY NHÀ TÌNH NGHĨA	01/04/2010	MB đã đóng góp để xây dựng 10 ngôi nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách thương binh, gia đình liệt sỹ.	550
2.	THẤP LỬA TRÁI TIM	28/05/2010	Đây là chương trình do MB - Khu vực phía Nam phát động nhằm ủng hộ, hỗ trợ các trẻ em nghèo, trẻ em gặp khó khăn và các bệnh nhi đang điều trị ung thư tại Bệnh viện Ung Bướu Tp. HCM	50
3.	TRÁI TIM CHO EM	01/07/2010	MB đã tài trợ cho quỹ “Trái tim cho em” do Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp cùng tổ chức Đồng tâm hội ngộ phát động để thực hiện mổ tim miễn phí cho 9 em nhỏ mắc bệnh tim bẩm sinh.	100
4.	KHÁM CHỮA BỆNH VÀ CẤP PHÁT THUỐC MIỄN PHÍ	10/07/2010	MB phối hợp với Hội chữ thập đỏ Việt Nam tổ chức 3 đợt khám chữa bệnh và cấp phát thuốc miễn phí tại các tỉnh Cần Thơ và Đắk Lak.	
5.	ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO BỊ BÃO LŨ TẠI QUẢNG NINH	05/08/2010	MB đã tổ chức, ủng hộ và trao tặng quà cho trường THCS Tuần Châu và làng chài Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh để khắc phục những ảnh hưởng nặng nề sau cơn bão.	80
6.	TẶNG QUÀ TRUNG THU CHO TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH ĐẶC BIỆT	14/09/2010	Nhân dịp Trung thu 2010, MB đã tổ chức tặng quà cho 120 trẻ em khuyết tật, nạn nhân chất độc da cam tại Làng Hữu Nghị (Hà Nội) và những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn mồ côi và nhiễm HIV tại Trung tâm Giáo dục và Lao động số 2.	50
7.	THĂM VÀ TẶNG QUÀ CHO CÁC GIA ĐÌNH CHÍNH SÁCH	04/10/2010	MB đã tổ chức thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách tại Văn Phú, Hà Nội với nhiều thương bệnh binh, thân nhân liệt sỹ.	120
8.	TRAO HỌC BỔNG, XE LĂN, XE ĐẠP CHO TRẺ EM NGHÈO, KHUYẾT TẬT	22/10/2010	MB phối hợp với Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam tổ chức lễ trao học bổng, xe lăn, xe đạp cho 75 trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật tỉnh Thừa Thiên Huế.	134
9.	ỦNG HỘ ĐỒNG BÀO MIỀN TRUNG BỊ BÃO LỤT	30/10/2010	MB đã ủng hộ nhằm chia sẻ với đồng bào Miền Trung thuộc ba tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình bị thiệt hại nặng nề do bão đồng thời tiến hành tặng quà, khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho bà con.	80
10.	THĂM VÀ TẶNG QUÀ CHO TRẺ EM VÙNG LŨ TRẺ EM CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN	25/11/2010	Để kịp thời hỗ trợ cho trẻ em chịu ảnh hưởng của đợt mưa lũ tại miền Trung, MB đã phối hợp với Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam đã tổ chức trao tặng quà cho trẻ em các tỉnh: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Cũng trong thời gian này MB tiếp tục trao quà cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn tại các tỉnh Quảng Ngãi, An Giang.	400

STT	TÊN GIẢI THƯỞNG	ĐƠN VỊ CẤP	Ý NGHĨA
1.	DANH HIỆU VNR500 (500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM)	Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam và báo điện tử Vietnamnet	Bảng xếp hạng VNR500 là bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Đây là sự ghi nhận, đánh giá độc lập về chặng đường phát triển của doanh nghiệp.
2.	CỜ THI ĐUA	Ngân hàng nhà nước	Cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu thi đua ngành Ngân hàng
3.	CỜ THI ĐUA	UBND Tp. Hà Nội	Cờ thi đua cho Đơn vị xuất sắc phong trào thi đua của thành phố.
4.	THƯƠNG HIỆU MẠNH VIỆT NAM 2009	Thời báo Kinh tế Việt Nam	Danh hiệu do độc giả Thời báo Kinh tế Việt Nam tín nhiệm, bình chọn cho những đơn vị tài chính hàng đầu tại Việt Nam
5.	SAO VÀNG ĐẤT VIỆT	Hiệp hội doanh nhân trẻ	Đây là lần thứ 3 liên tiếp MB nhận được giải thưởng này. Đây là giải thưởng vinh danh những doanh nghiệp có nhiều đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
6.	THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN	Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam	Với những tiêu chí bình chọn đa chiều, khắt khe, giải thưởng góp phần giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá đúng được tiềm lực của các doanh nghiệp mà họ đang đầu tư
7.	GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG CÓ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ VÀ QUẢN LÝ TIỀN MẶT XUẤT SẮC NHẤT	HSBC	Giải thưởng này là sự ghi nhận và đánh giá cao của tập đoàn HSBC với chất lượng dịch vụ TTQT của MB nói chung và uy tín của MB nói riêng. Giải thưởng này được HSBC trao cho MB trong 4 năm liên tiếp trở lại đây.
8.	GIẢI THƯỞNG NGÂN HÀNG CÓ DỊCH VỤ THANH TOÁN ĐẠT TỈ LỆ ĐIỆN CHUẨN CAO	Citi Group	Giải thưởng uy tín này hàng năm được trao cho những ngân hàng có hoạt động TTQT xuất sắc với tỉ lệ điện thanh toán quốc tế được xử lý tự động thành công cao (STP - Straight Through Processing) trên 95% và có khối lượng giao dịch cao. Giải thưởng này đã được CitiGroup trao cho MB trong 3 năm liên tiếp gần đây.

Danh sách các Công ty con tại 31/12/2010

STT	Tên Công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của MB
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long 	005/GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 11/5/2000	Môi giới đầu tư & kinh doanh chứng khoán	1200,00	61,85%
2	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB 	07/UBCK -GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 29/9/2006	Quản lý quỹ đầu tư	100,00	61,78%
3	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội 	0104000066 ngày 11/9/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Quản lý nợ và khai thác tài sản	514,28	100%
4	Công ty Cổ phần Địa ốc MB 	0103022148 ngày 25/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Đầu tư & Kinh doanh bất động sản	571,48	65,26%
5	Công ty Cổ phần Viet R.E.M.A.X Viet REMAX	4102082555 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp ngày 02/02/2010	Đầu tư phát triển kinh doanh văn phòng cho thuê	100,00	78,09%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (TLS)



Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long
Tên tiếng Anh : Thang Long Securities Joint Stock Company
Tên viết tắt : TLS
Trụ sở chính : Toà nhà Hanoi Toserco, số 273 Kim Mã, quận
Ba Đình, Hà Nội.
Website : www.tls.vn
Vốn điều lệ : 1.200.000.000.000 đồng
(Một nghìn hai trăm tỷ đồng).

Lĩnh vực hoạt động chính:
Dịch vụ khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức
Dịch vụ nghiên cứu:
Dịch vụ ngân hàng đầu tư:

Kết quả hoạt động năm 2010:
Doanh thu thuần: 1.307 tỷ đồng,
Lợi nhuận trước thuế: 48,6 tỷ đồng.

Mục tiêu chiến lược năm 2011:
Tăng trưởng bền vững và đạt hiệu quả kinh doanh cao;
Giữ vững thị phần về Môi giới chứng khoán;
Cơ cấu lại mô hình hoạt động theo hướng chủ động, linh hoạt, đón đầu
các cơ hội;
Tăng cường kiểm soát, tập trung vào tính tuân thủ;
Tập trung tối đa các nguồn lực phát triển hoạt động Investment Bank ;
Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong hệ thống MB;
Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp TLS;
Tiếp tục củng cố tiềm lực tài chính thông qua tăng vốn điều lệ hoặc phát
hành trái phiếu chuyển đổi; và
Công ty phấn đấu đạt lợi nhuận trong năm 2011 là 303 tỷ.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital)



Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
 Tên tiếng Anh : MB Fund Management Stock Company
 Tên viết tắt : MBCapital
 Trụ sở chính : Toà nhà Hanoi Toserco, số 273 Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội.
 Website : www.mbcapital.com.vn
 Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Lĩnh vực hoạt động chính:

Quản lý quỹ
 Cung cấp các dịch vụ về quản lý quỹ đầu tư
 Quản lý danh mục đầu tư
 Tư vấn đầu tư và quản lý tài sản ủy thác đầu tư.

Kết quả hoạt động năm 2010:

Tổng tài sản: 20.000 tỷ đồng

Chiến lược phát triển năm 2011:

MBCapital đặt mục tiêu tăng trưởng đối với tất cả các quỹ và danh mục đầu tư do Công ty quản lý đạt từ 25 - 35%/năm.
 Dự kiến chi trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt từ 15 - 20%.
 Tiếp tục phát triển ổn định, từng bước củng cố và nâng cao năng lực, vị thế của Công ty trong ngành quản lý quỹ, tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho các năm tiếp theo.

Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội (AMC)



Tên đầy đủ : Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Quân Đội.
 Tên gọi tắt : Công ty quản lý tài sản Ngân hàng Quân Đội.
 Tên tiếng Anh : MB Assets Management Company Limited.
 Tên viết tắt : AMC., Ltd
 Trụ sở chính : Toà nhà 195 Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Hà Nội.
 Website : www.mbamc.com.vn
 Vốn điều lệ đăng ký: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
 Vốn điều lệ thực cấp: 514.277.000.000 đồng (Năm trăm mười bốn tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng).

Lĩnh vực hoạt động chính:

Xử lý thu hồi Nợ đọng & kinh doanh mua bán Nợ;
 Đầu tư kinh doanh và khai thác các tài sản tồn đọng thu hồi; và
 Đầu tư và kinh doanh khai thác hạ tầng bất động sản.

Kết quả hoạt động năm 2010:

Vốn chủ sở hữu đạt 553 tỷ đồng
 Lợi nhuận trước thuế đạt 85, 9 tỷ đồng.

Chiến lược phát triển năm 2011:

Tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh có thể mạnh, hoạt động xử lý nợ và khai thác tài sản tiếp tục là thế mạnh kinh doanh của Công ty; Định hướng tập trung nguồn lực để bảo đảm thu hồi tối ưu nợ đọng của MB, kinh doanh mua bán nợ có hiệu quả cao, quản lý và khai thác hiệu quả các tài sản của ngân hàng và các tài sản đang đầu tư, hoạt động thẩm định giá, định giá tài sản bảo đảm được tập trung vừa mở rộng quy mô vừa nâng cao chất lượng, độ tin cậy và tính chuyên nghiệp. Kế hoạch vốn chủ sở hữu của công ty năm 2011 đạt tối thiểu 800 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn kinh doanh khả dụng đạt tối thiểu 200 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt tối thiểu ở mức 150 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Địa ốc MB (MB Land)



Tên đầy đủ : Công ty Cổ phần Địa ốc MB
 Tên tiếng Anh : MB Real Estate Stock Company.
 Tên viết tắt : MBLand
 Trụ sở chính : Số 6 - 8 Chùa Bộc, quận Đống Đa, Hà Nội.
 Website : www.mbland.vn
 Giấy Chứng nhận ĐKKD : số 0103022148 ngày 25/01/2008
 do Sở KH & ĐT Hà Nội cấp.
 Vốn điều lệ : 571.477.500.000 đồng (Năm trăm bảy mươi một tỷ bốn trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)

Lĩnh vực hoạt động chính:

MBLand trở thành Công ty con thuộc hệ thống MB, với tỷ lệ sở hữu của AMC chiếm 65, 26% vốn điều lệ của MBLand. Với lĩnh vực kinh doanh được cấp phép là hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, MBLand có chiến lược hoạt động được xác định rõ là tập trung đầu tư khai thác hiệu quả dự án MBLand Tower và đầu tư phát triển quỹ đất, quỹ nhà ở và kinh doanh bất động sản. Sau 3 năm hoạt động, MBLand đã vượt qua những khó khăn bước đầu để đứng vững và phát triển bền vững.

Kết quả hoạt động năm 2010:

Tăng vốn điều lệ từ 475 lên 571 tỷ đồng

Chiến lược phát triển năm 2011:

Năm 2011, tiếp tục là một năm MBLand tập trung mọi nguồn lực cho việc đầu tư các dự án trọng điểm như MBLand Tower; Golden Palace và Khu đô thị An Phước - Thung lũng Xanh. Bên cạnh đó, Công ty chủ trương phát triển các dịch vụ kinh doanh bất động sản ngắn hạn, tổ chức thành công hoạt động Sàn giao dịch Bất động sản để tranh thủ các cơ hội thị trường, tạo nguồn thu cho Công ty. Với mục tiêu đẩy nhanh tiến độ, vừa đầu tư vừa kinh doanh chính các dự án, MBLand tiếp tục lập kế hoạch tăng trưởng mạnh cả về doanh thu và lợi nhuận, với chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2011 ước đạt tối thiểu là 30 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Việt R.E.M.A.X



Tên Công ty : Công ty Cổ phần Việt R.E.M.A.X
 Tên viết tắt : Việt R.E.M.A.X
 Trụ sở chính : Tầng 10, tòa nhà 225 Trần Hưng Đạo,
 Quận 1, TP. HCM
 Giấy Chứng nhận ĐKKD: số 0103022148 ngày 25/01/2008
 do Sở KH & ĐT Hà Nội cấp.
 Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

Lĩnh vực hoạt động chính:

Đầu tư kinh doanh bất động sản

Kết quả hoạt động năm 2010:

Trong năm 2010, Việt R.E.M.A.X đã hoàn tất các bước công việc chuẩn bị đầu tư dự án MB Sunny Tower (Dự án Cao ốc Văn phòng hạng A, quy mô xây dựng 22 tầng nổi, 3 tầng hầm), tiến hành khởi công xây dựng công trình, về cơ bản đã hoàn thành các hạng mục tường vây, phần móng công trình, hiện đang triển khai xây dựng phần hầm công trình. Việt R.E.M.A.X đặt mục tiêu hoàn thành xây dựng và đưa công trình vào khai thác kinh doanh trong Quý 2 năm 2012.

Chiến lược phát triển năm 2011:

Năm 2011 là năm trọng điểm đầu tư dự án MB Sunny Tower, Công ty đặt các mục tiêu quyết liệt về mặt tiến độ thi công xây dựng công trình, phần đầu đạt mục tiêu hoàn thành cơ bản các hạng mục phần hầm và kết cấu phần thân công trình trước 31/03/2011.



Tính đến 31/12/2010 Hệ thống của MB bao gồm 1 Hội sở chính, 1 Sở giao dịch, 1 Chi nhánh tại Lào, 138 Chi nhánh và Các điểm giao dịch, 334 máy ATM, 1.849 máy POS phân bố ở 24 tỉnh thành kinh tế phát triển trên cả nước.

HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH

3 Liễu Giai – Ba Đình – Hà Nội
ĐT : 043767 4004
Fax : 04. 6273 0555

Chi nhánh TÂY HỒ

71 Xuân La
Quận Tây Hồ – TP. Hà Nội
ĐT : 04. 3758 9142
Fax : 04. 3758 9141

Phòng Giao dịch LẮNG THƯỢNG

6 Phố Chùa Láng – Láng Thượng
Đống Đa – Hà Nội
ĐT : 04. 3562 4219
Fax : 04. 3562 4220

Phòng Giao dịch KIM MÃ

273 Kim Mã – Ba Đình – Hà Nội
ĐT : 04. 3726 2758
Fax : 04. 3726 2810

Phòng Giao dịch LẠC LONG QUÂN

665 Lạc Long Quân
Tây Hồ – Hà Nội
ĐT : 04. 3758 2082
Fax : 04. 3758 2084

Phòng Giao dịch THUY KHUÊ

B7 – Ngõ 128 – Thụy Khuê
Ba Đình – Hà Nội
ĐT : 04. 3728 2868
Fax : 04. 3728 2886

Phòng Giao dịch XUÂN DIỆU

101 Xuân Diệu – P. Quảng An
Quận Tây Hồ – TP. Hà Nội

Chi nhánh THANH XUÂN

475 Nguyễn Trãi
Thanh Xuân – Hà Nội
ĐT : 04. 3854 5459
Fax : 04. 3854 0414

Phòng Giao dịch PHÙNG HƯNG

Viện 103 – Đường Phùng Hưng
Phúc La – Hà Đông
ĐT : 04. 3354 0983
Fax : 04. 3354 0984

Phòng Giao dịch LINH ĐÀM

BT1 – Ô 4 – Bắc Linh Đàm – P. Đại Kim
Hoàng Mai – Hà Nội

Chi nhánh TÂY HÀ NỘI

634 Quang Trung
TP. Hà Đông – Hà Tây
ĐT : 04. 3355 2920
Fax : 04. 3355 2928

Phòng Giao dịch HÀ ĐÔNG

94 Lê Lợi
Quận. Hà Đông – TP. Hà Nội
ĐT : 04. 3311 7322
Fax : 04. 3311 7325

Chi nhánh TRẦN DUY HƯNG

Tầng 1 – Toà Nhà 17T2 – Hoàng Đạo Thúy
Trung Hoà – Cầu Giấy – Hà Nội
ĐT : 04. 2812 956
Fax : 04. 2812 955

Phòng Giao dịch XUÂN THUỶ

Nhà số 3 – Lô A – Khu D6 – Nguyễn Phong Sắc
kéo dài – KĐT M. Cầu Giấy – P. Dịch Vọng Hậu
Q. Cầu Giấy – HN
ĐT : 04. 768 7598
Fax : 04. 768 7594

Phòng Giao dịch NGHĨA TÂN

107A2 – ĐN2 – Nguyễn Khánh Toàn
Cầu Giấy – Hà Nội
ĐT : 04. 6251 5566
Fax : 04. 6251 5588

Phòng Giao dịch NAM TRUNG YÊN

10 Trung Yên 1
Quận Cầu Giấy – Hà Nội
ĐT : 04. 6255 5111
Fax : 04. 6255 5000

Chi nhánh ĐIỆN BIÊN PHỦ

28A Điện Biên Phủ
Ba Đình – Hà Nội
ĐT : 04. 3823 2883
Fax : 04. 3823 3335

Chi nhánh LÝ NAM ĐẾ

14C Lý Nam Đế
Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT : 04. 3733 1668
Fax : 04. 3747 1497

Phòng Giao dịch ĐỒNG ĐA

391 Trường Chinh
Thanh Xuân – Hà Nội
ĐT : 04. 3563 9759
Fax : 04. 3563 9762

Phòng Giao dịch GIẢNG VÕ

1 Giang Văn Minh
Ba Đình – Hà Nội
ĐT : 04. 6273 1166
Fax : 04. 6273 0164

Phòng Giao dịch THÀNH CÔNG

27 Huỳnh Thúc Kháng
Đống Đa – Hà Nội
ĐT : 04. 3773 6456
Fax : 04. 3776 7778

Phòng Giao dịch ĐÀO DUY ANH

9 Đào Duy Anh – Đống Đa – Hà Nội
ĐT : 04. 3577 1991
Fax : 04. 3577 1995

Phòng Giao dịch THÁI THỊNH

71 Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội
ĐT : 04. 6275 2932
Fax : 04. 6275 2935

Phòng Giao dịch NGUYỄN BIỂU

11 Nguyễn Biểu
Ba Đình – Hà Nội
ĐT : 04. 6273 4122
Fax : 04. 6273 4132

Phòng Giao dịch ĐẶNG VĂN NGŨ

45 Đặng Văn Ngữ
Quận Đống Đa – TP. Hà Nội
ĐT : 04. 3252 6789
Fax : 04. 3252 6788

Chi nhánh HOÀNG QUỐC VIỆT

184A Hoàng Quốc Việt
Từ Liêm – Hà Nội
ĐT : 04. 3755 4303
Fax : 04. 3755.4304

Phòng Giao dịch TỪ LIÊM

154 Hồ Tùng Mậu – Từ Liêm – Hà Nội
ĐT : 04. 3763 2336
Fax : 04. 3763 2339

Phòng Giao dịch NAM THĂNG LONG

141 B Phạm Văn Đồng
Từ Liêm – Hà Nội
ĐT : 04. 3748 0888
Fax : 04. 3748 0886

Chi nhánh THĂNG LONG

34 Láng Hạ – Đống Đa – Hà Nội
ĐT : 04. 6255 8668
Fax : 04. 6269 6886

Phòng Giao dịch LÊ TRỌNG TẤN

164 Lê Trọng Tấn
Thanh Xuân – Hà Nội
ĐT : 04. 3565 6610
Fax : 04. 3565 6612

Phòng Giao dịch ĐỊNH CÔNG

96 Định Công – Thanh Xuân – Hà Nội
ĐT : 04. 3664 8985
Fax : 04. 3644 8981

Phòng Giao dịch YÊN HÒA

Tầng 1 Tòa nhà Viện Dầu khí – Trung Kính
Yên Hòa – Cầu Giấy – TP. Hà Nội
ĐT : 04. 3782 3459
Fax : 04. 3782 3458

Chi nhánh HOÀN KIẾM

28 Bà Triệu – Hàng Bài
Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT : 04. 3936 7799
Fax : 04. 3938 6106

Phòng Giao dịch TRẦN HƯNG ĐẠO

03 Trần Hưng Đạo
Hai Bà Trưng – Hà Nội
ĐT : 04. 3723 879
Fax : 04. 3723 881

Phòng Giao dịch LĂN ÔNG

26 Lăn Ông – Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT : 04. 3923 2991
Fax : 04. 3923 2990

Phòng Giao dịch KIM LIÊN

132 Lê Duẩn – Hai Bà Trưng – Hà Nội
ĐT : 04. 3941 2345
Fax : 04. 3941 2568

Phòng Giao dịch LÝ THÁI TỔ

24B Lý Thái Tổ – P. Lý Thái Tổ
Q. Hoàn Kiếm – Hà Nội
ĐT : 04. 3935 1866
Fax : 04. 3935 1869

Phòng Giao dịch HÀNG BỒ

29 Phố Hàng Phèn – Phường Hàng Bồ
Quận Hoàn Kiếm – HN
ĐT : 04. 3923 4068
Fax : 04. 3923 4055

Chi nhánh LONG BIÊN

02 Ngõ Gia Tự – Đức Giang
Gia Lâm – Hà Nội
ĐT : 04. 3652 3848
Fax : 04. 3652 3818

Phòng Giao dịch NGUYỄN VĂN CỪ

491A Nguyễn Văn Cừ
Long Biên – Hà Nội
ĐT : 04. 3873 3923
Fax : 04. 3873 6096

Phòng Giao dịch ĐÔNG ANH

K12 – QL3 – Thị trấn Đông Anh
Đông Anh – TP. Hà Nội
ĐT : 04. 6264 6286
Fax : 04. 6264 6266

Chi nhánh HAI BÀ TRUNG

29 Lê Đại Hành
Q. Hai Bà Trưng Hà Nội
ĐT : 04. 3974 7110
Fax : 04. 3974 7104

Phòng Giao dịch MINH KHAI

466 Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT : 04. 3633 2285
Fax : 04. 3633 2306

Phòng Giao dịch NGUYỄN DU

5 Nguyễn Du - Hai Bà Trưng - Hà Nội
ĐT : 04. 3944 6868
Fax : 04. 3944 5404

Phòng Giao dịch LÒ ĐÚC

81, 83 Phố Lò Đúc
Quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

Phòng Giao dịch NGUYỄN ĐỨC CẢNH

151 Nguyễn Đức Cảnh
Quận Hai Bà Trưng - TP. Hà Nội

Chi nhánh MỸ ĐÌNH

Căn hộ số 103, 104, 203, 204 - ĐN 1 - Toà nhà CT4 - Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì Từ Liêm - Hà Nội
ĐT : 04. 3785 5414
Fax : 04. 3785 5410

Phòng Giao dịch SƠN TÂY

57 Phạm Ngũ Lão
TP. Sơn Tây - Hà Tây
ĐT : 034. 3616 660
Fax : 034. 3661 665

Phòng Giao dịch ĐÔNG ĐÔ

Km 12 - Đường 32 - Phú Diễn Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT : 04. 3780 5168
Fax : 04. 3780 5166

Phòng Giao dịch MỸ ĐÌNH I

Tầng I, Nhà C4 - Khu Đô thị Mỹ Đình I Đường Cơ Thạch - Từ Liêm - Hà Nội.
ĐT : 04. 6283 3999
Fax : 04. 6283 6699

Phòng Giao dịch ĐAN PHƯỢNG

Km 21- Quốc Lộ 32 - Thị trấn Phùng Đan Phượng - Hà Nội
ĐT : 04. 3388 7699
Fax : 04. 3388 7667

THÁI NGUYỄN

Chi nhánh THÁI NGUYỄN

Tầng 1 - Chợ Thái
TP. Thái Nguyên - Thái Nguyên
ĐT : 0280. 3657 171
Fax : 0280. 3657 172

BẮC NINH

Phòng Giao dịch TỪ SƠN

185 Trần Phú - Từ Sơn - Bắc Ninh
ĐT : 0241. 6260 068
Fax : 0241. 6260 035

HƯNG YÊN

Phòng Giao dịch PHỐ NỐI

18C - Đường 39A
Phố Nối Mỹ Hào - Hưng Yên
ĐT : 0321. 6273 386
Fax : 0321. 6273 303

HẢI PHÒNG

Chi nhánh HẢI PHÒNG

6 Máy Tơ - P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền - Hải Phòng
ĐT : 0316. 261 555
Fax : 0316. 261 123

Chi nhánh NGÔ QUYỄN

341 Đà Nẵng - Ngô Quyền
Hải Phòng
ĐT: 0313. 753 608
Fax: 0313. 796 210

Phòng Giao dịch LẠCH TRAY

02B Lạch Tray - Ngô Quyền
Hải Phòng
ĐT : 0313. 739 124
Fax : 0313. 739 120

Phòng Giao dịch TRẦN PHÚ

111 Trần Phú - Ngô Quyền
Hải Phòng
ĐT : 0313. 843 838
Fax : 0313. 843 535

Phòng Giao dịch THUỶ NGUYỄN

TTTM Bắc Mậ - Ngã Tư TT Núi Đèo
Thuỷ Nguyễn - HP
ĐT : 0316. 254 333
Fax : 0316. 254 028

Phòng Giao dịch HẢI AN

206, 216 Văn Cao - Phường Đằng Giang Quận Ngô Quyền - TP. Hải Phòng
ĐT : 0313. 727 556
Fax : 0313. 727 559

Phòng Giao dịch KIẾN AN

236 Lê Duẩn - Bắc Sơn
Kiến An - Hải Phòng
ĐT : 0316. 250 333
Fax : 0316. 265 566

Phòng Giao dịch ÁNH DƯƠNG

Tổ dân cư số 1 - Phường Hải Thành Quận Dương Kinh - TP. Hải Phòng

Chi nhánh BẮC HẢI

57 Điện Biên Phủ
Quận Hồng Bàng - Tp. Hải Phòng
ĐT : 0313. 745 747
Fax : 0313. 822 448

Phòng Giao dịch LÊ CHÂN

146 Tôn Đức Thắng
Lê Chân - Hải Phòng
ĐT : 0313. 718 452
Fax : 0313. 718 453

Phòng Giao dịch LÊ THÁNH TÔNG

452 Lê Thánh Tông
Quận Ngô Quyền - TP. Hải Phòng
ĐT : 0313. 260 268
Fax : 0313. 260 269

QUẢNG NINH

Chi nhánh QUẢNG NINH

Lô D, E, F Toà nhà chung cư Hạ Long Kho Than 2 - TP. Hạ Long - Quảng Ninh
ĐT : 033. 3655 666
Fax : 033. 3656 828

Phòng Giao dịch CẨM PHẢ

352 Trần Phú - Tổ 7B - Cẩm Trung
Cẩm Phả - Quảng Ninh
ĐT : 033. 6260 688
Fax : 033. 6260 868

Phòng Giao dịch UÔNG BÍ

461 Quang Trung
Uông Bí - Quảng Ninh
ĐT : 033. 6268 288
Fax : 033. 6268 828

Phòng Giao dịch HỒNG HÀ

20 Nguyễn Văn Cừ - P. Hồng Hà
TP. Hạ Long - Quảng Ninh
ĐT : 033. 383 9558
Fax : 033. 383 9556

PHÚ THỌ

Chi nhánh VIỆT TRÌ

2175 Đại Lộ Hùng Vương - P. Gia Cẩm
TP. Việt Trì - Phú Thọ
ĐT : 0210. 6256 364
Fax : 0210. 6256 667

Phòng Giao dịch PHÚ HỘ

63 - QL2 - Khu 16 - X. Phú Hộ
TX. Phú Thọ - Phú Thọ
ĐT : 0210. 3732 736
Fax : 0210. 3732 732

Phòng Giao dịch NAM VIỆT TRÌ

779 Đại Lộ Hùng Vương
TP. Việt Trì - Phú Thọ
ĐT : 0210. 6253 588
Fax : 0210. 6253 352

Phòng Giao dịch ĐẾN HÙNG

Khu I - Xã Văn Phú - TP. Việt Trì - Phú Thọ
ĐT : 0210. 3817 666
Fax : 0210. 3817 979

VĨNH PHÚC

Phòng Giao dịch VĨNH PHÚC

20 Hùng Vương - Tích Sơn
TP. Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
ĐT : 0211. 6252 252
Fax : 0211. 6250 105

THANH HÓA

Chi nhánh THANH HÓA

253 Trần Phú - Ba Đình
TP. Thanh Hoá Thanh Hoá
ĐT : 037. 6255 499
Fax : 037. 6255 497

Phòng Giao dịch PHAN CHU TRINH

Lô 15 - Khu nhà ở TM - Phan Chu Trinh
P. Điện Biên - TP. Thanh Hóa
ĐT : 037. 6255 499
Fax : 037. 6255 497

NINH BÌNH

Chi nhánh NINH BÌNH

19 Trần Hưng Đạo
TP. Ninh Bình - Ninh Bình
ĐT : 0306.258 866
Fax : 0306.258 686

NGHỆ AN

Chi nhánh NGHỆ AN

Số 72 - Đường Lê Lợi
TP. Vinh - Nghệ An
ĐT : 038. 3560 588
Fax : 038. 3560 599

Phòng Giao dịch CHỢ VINH

58 Lê Huân
TP. Vinh, Nghệ An
ĐT : 038. 8602 959
Fax : 038. 8602 969

HUẾ

Chi nhánh HUẾ

3 Hùng Vương - TP. Huế
ĐT : 054. 6250 999
Fax : 054. 6250 369

Phòng Giao dịch NAM VĨ DẠ

Nhà C3 - Nam Vĩ Dạ - Phạm Văn Đồng
P. Vĩ Dạ - TP. Huế
ĐT : 054. 6250 333
Fax : 054. 6250 357

Phòng Giao dịch BẮC TRƯỜNG TIẾN

Trung tâm TM Trường Tiến - TP. Huế
ĐT : 054. 3572 111
Fax : 054. 3572 112

QUẢNG TRỊ

Phòng Giao dịch ĐÔNG HÀ

15 Hùng Vương
Thị Xã Đông Hà, Quảng Trị
ĐT : 053. 6255 789
Fax : 053. 6250 062

ĐÀ NẴNG

Chi nhánh ĐÀ NẴNG

54 Điện Biên Phủ
Q. Thanh Khê - TP. Đà Nẵng
ĐT : 0511. 6257 999
Fax : 0511. 6257 789

Chi nhánh VĨNH TRUNG

358 Hùng Vương
Q. Thanh Khê - Đà Nẵng
ĐT : 0511. 3689 555
Fax : 0511. 3689 556

Phòng Giao dịch HOÀ KHÁNH

45 Nguyễn Lương Bằng
Liên Chiểu - Đà Nẵng
ĐT : 0511. 6255 999
Fax : 0511. 6255 998

Phòng Giao dịch HẢI CHÂU

404 Hoàng Diệu – Hải Châu – Đà Nẵng
ĐT : 0511. 3552 111
Fax : 0511. 3552 112

Phòng Giao dịch SÔNG HÀN

83 Phan Châu Trinh – P. Hải Châu I
Quận Hải Châu – TP. Đà Nẵng
ĐT : 0511. 6250 999
Fax : 0511. 6250 788

QUẢNG NAM

Phòng Giao dịch HỘI AN

25 Trần Hưng Đạo – P. Minh An
TP. Hội An – Quảng Nam
ĐT : 0510. 6260 111
Fax : 0510. 6260 222

QUẢNG NGÃI

Chi nhánh QUẢNG NGÃI

Nhà khách T50 – Số 158 – Hùng Vương
TP. Quảng Ngãi – Quảng Ngãi
ĐT : 055. 6255 999
Fax : 055. 6255.789

Phòng Giao dịch TRÀ KHÚC

24 Quang Trung
TP. Quảng Ngãi – Quảng Ngãi
ĐT : 055. 6255 369
Fax : 055. 6255 557

BÌNH ĐỊNH

Chi nhánh BÌNH ĐỊNH

285 Trần Hưng Đạo
TP. Quy Nhơn – Bình Định
ĐT : 056. 3817 555
Fax : 056. 3814 455

Phòng Giao dịch QUY NHƠN

40 Trường Chinh – P. Lý Thường Kiệt
TP. Quy Nhơn – Bình Định
ĐT : 056. 3520 680
Fax : 056. 3520 690

Phòng Giao dịch ĐIỀU TRÌ

Ngã 3 – Điều Trì – Thôn Vân Hội
H. Tuy Phước – Bình Định
ĐT : 056. 3833 166
Fax : 056. 3833 066

KHÁNH HÒA

Chi nhánh KHÁNH HOÀ

9F Lê Thánh Tôn
TP. Nha Trang – Khánh Hoà
ĐT : 058. 6250 777
Fax : 058. 6250 111

ĐẮKLẮK

Chi nhánh ĐẮKLẮK

37 Hai Bà Trưng
TP. Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk
ĐT : 0500. 6268 268
Fax : 0500. 6259 259

Điểm Giao dịch KNQ ĐẮC LẮC

Kho Ngoại Quan Đắc Lắc – Khu CN Hòa Phú
Xã Hòa Phú – TP. Buôn Ma Thuột – Đắk Lắk
ĐT : 0500. 685 979
Fax : 0500. 685 988

ĐỒNG NAI

Chi nhánh ĐỒNG NAI

107A – QL 1 – Khu 8 – P. Tân Long
TP. Biên Hòa – Đồng Nai
ĐT : 061. 887 1507
Fax : 061. 887 1510

Phòng giao dịch LONG THÀNH

Khu Phước Hải – Quốc lộ 51 –
TT Long Thành – Đồng Nai
ĐT : 061. 3501 602
Fax : 061. 3501 603

VŨNG TÀU

Chi nhánh VŨNG TÀU

155 Nguyễn Thái Học – P.7 – TP. Vũng Tàu
ĐT : 064. 6250 505
Fax : 064. 6250 507

Phòng Giao dịch NAM KỲ KHỞI NGHĨA

153 – 155 Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Phường 3, TP. Vũng Tàu
ĐT : 064. 6250 018
Fax : 064. 6250 018

Phòng Giao dịch KCN Cảng CÁI MÉP

Tòa nhà Công ty Tân Cảng – Khu Công nghiệp
Cảng Cái Mép, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành,
Bà Rịa Vũng Tàu
ĐT : 064. 6252 505
Fax : 064. 6252 506

CẦN THƠ

Chi nhánh CẦN THƠ

42 – 44 Nguyễn An Ninh – P. Tân An
Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT : 0710. 3816 199
Fax : 0710. 3816 188

Phòng Giao dịch TÂY ĐÔ

43 CMT8 – An Thới
Bình Thủy – TP. Cần Thơ
ĐT : 0710. 6251 879
Fax : 0710. 6251 877

Phòng Giao dịch XUÂN KHÁNH

113 Mậu Thân – Xuân Khánh
Ninh Kiều – Cần Thơ
ĐT : 0710. 6250 949
Fax : 0710. 6250 948

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chi nhánh HỒ CHÍ MINH

18B Cộng Hòa
Q. Tân Bình – TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 08. 3811 8090
Fax : 08. 3811 8082

Phòng Giao dịch TRƯỜNG CHINH

39/6 Khu phố 2 – P. Tân Thới
Q. 12 – TP. HCM
ĐT : 08. 3883 2734
Fax : 08. 3883 2740

Phòng Giao dịch TÂN SƠN NHẤT

142 Bạch Đằng – Phường 2
Q. Tân Bình – TP. HCM
ĐT : 08. 6289 7257
Fax : 08. 6289 7258

Phòng Giao dịch TÂN HƯƠNG

229 Tân Hương – P.Tân Phú
Q. Tân Quý – TP. HCM
ĐT : 08. 6267 3637
Fax : 08. 6267 3633

Phòng Giao dịch THỐNG NHẤT

951A CMT8 – Phường 7
Quận Tân Bình – TP. HCM
ĐT : 08. 6268 0623
Fax : 08. 6268 0623

Chi nhánh PHÚ NHUẬN

187 – 189 Phan Đăng Lưu
Q. Phú Nhuận – TP. HCM
ĐT : 08. 3990 4445
Fax : 08. 3990 4417

Phòng Giao dịch BÌNH THẠNH

37 – 39/1B Lê Quang Định
Quận Bình Thạnh – TP. HCM
ĐT : 08. 3551 5526
Fax : 08. 3551 5527

Chi nhánh SÀI GÒN

172 Hai Bà Trưng
P. Đa Kao – Quận 1 – TP. HCM
ĐT : 08. 2222 2888
Fax : 08. 2222 2666

Phòng Giao dịch 3 – 2

576 Đường 3/2 – Q10 – TP. HCM
ĐT : 08. 3864 1266
Fax : 08. 3864 1282

Phòng Giao dịch BẾN THÀNH

112 Trần Hưng Đạo – Q1 – TP. HCM
ĐT : 08. 3920 2280
Fax : 08. 3920 2272

Phòng Giao dịch TÔN ĐỨC THẮNG

02 Tôn Đức Thắng – Q1 – TP. HCM
ĐT : 08. 3910 2518
Fax : 08. 3829 3675

Phòng Giao dịch TÂN CẢNG

572 – 574 Điện Biên Phủ
Q. Bình Thạnh – TP. HCM
ĐT : 08. 3512 7772
Fax : 08. 3512 7778

Phòng Giao dịch CAMETTLE

75 – 77 Camettle – Quận I – TP. HCM
ĐT : 08. 3915.1711
Fax : 08. 3915.1712

Phòng Giao dịch ĐA KAO

2A Nguyễn Thị Minh Khai
P. Đa Kao – Quận 1 – TP. HCM
ĐT : 08. 3911 5011
Fax : 08. 3911 5012

Phòng Giao dịch NGUYỄN TRI PHƯƠNG

431 – 433 Nguyễn Tri Phương
Quận 10 – TP. HCM
ĐT : 08. 3957 4900
Fax : 08. 3957 4909

Phòng Giao dịch VÕ VĂN TẤN

401 Võ Văn Tấn – Phường 5
Quận 3 – TP. HCM
ĐT : 08. 3832 6218
Fax : 08. 3832 6208

Phòng Giao dịch TAO ĐÀN

354 – 356 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường 5 – Q. 3 – TP. HCM
ĐT : 08. 3832 9686
Fax : 08. 3832 9688

Điểm Giao dịch NGUYỄN CÔNG TRỨ

86 – 88 Nguyễn Công Trứ
Quận 1 – TP. HCM
ĐT : 08. 4456 8668
Fax : 08. 4456 8668

Điểm Giao dịch LÊ DUẨN

01 – 05 Lê Duẩn
P. Bến Nghé – Q1 – TP. HCM
ĐT : 08. 3911 1281
Fax : 08. 3911 1279

Chi nhánh TÂN THUẬN

300 Huỳnh Tấn Phát
Quận 7 – TP. HCM
ĐT : 08. 3872 7888
Fax : 08. 3872 7788

Chi nhánh CHỢ LỚN

549 – 551 Hồng Bàng
P.14 – Q.5 – TP. HCM
ĐT : 08. 3855 3492
Fax : 08. 3855 3493

Phòng Giao dịch HẬU GIANG

52 Hậu Giang – P. 6 – Q. 6 – TP. HCM
ĐT : 08. 3969 5624
Fax : 08. 3969 5595

Phòng Giao dịch NAM SÀI GÒN

310 – 312 Liên Tỉnh 5 (Quốc Lộ 50)
P. 6 – Q. 8 – TP. HCM
ĐT : 08. 3981 3668
Fax : 08. 3981 3669

Phòng Giao dịch LÊ ĐẠI HÀNH

357A – 357C Lê Đại Hành
Phường 11 – Quận 11 – TP. HCM
ĐT : 08. 3621 622
Fax : 08. 3621 622

Chi nhánh AN PHÚ

Chung cư An Phú – Khu ĐTM An Phú
An Khánh, P. An Phú – Q.2 – TP. HCM
ĐT : 08. 6281 0203
Fax : 08. 6281 0207

Phòng Giao dịch THỦ ĐỨC

344 Võ Văn Ngăn
P. Bình Thọ – Q. Thủ Đức – TP. HCM
ĐT : 08. 6283 7855
Fax : 08. 6283 7850

Phòng Giao dịch CÁT LÁI

1325 Nguyễn Thị Định
P. Cát Lái – Q.2 – TP. HCM
ĐT : 08. 3742 2969
Fax : 08. 3742 2972

Điểm Giao dịch LÊ PHỤNG HIẾU

Nhà xe Cổng B – Lê Phụng Hiếu
Cảng Cát Lái – TP. HCM
ĐT : 08. 3742 5221
Fax : 08. 3742 5223

Chi nhánh BẮC SÀI GÒN

3 Nguyễn Oanh – Q. Gò Vấp – TP. HCM
ĐT : 08. 3989 4425
Fax : 08. 3989 4428

Phòng Giao dịch QUANG TRUNG

170 Quang Trung – P.10
Q. Gò Vấp – TP. HCM
ĐT : 08. 3989 4936
Fax : 08. 3989 2961

Phòng Giao dịch SÓNG THẦN

1 Đại Lộ Độc lập – KCN Sóng Thần
H. Dĩ An – Bình Dương
ĐT : 08. 3729 4409
Fax : 08. 3729 4408

Phòng Giao dịch TÔ HIỂN THÀNH

40 Nguyễn Giản Thanh – P. 15
Quận 10 – TP. HCM
ĐT : 08. 3868 1874
Fax : 08. 3868 1865

Phòng Giao dịch AN LỘC

58 Hà Huy Giáp – Phường Thạch Lộc
Quận 12 – TP. HCM
ĐT : 08. 3716 6537
Fax : 08. 3716 6537

Chi nhánh LÀO

30 Phôn Khên – Kayson Phomvihanh
Quận Xayxettha – Vientiane – Laos
ĐT : (04) 3923 2991
Fax : (04) 3923 2990

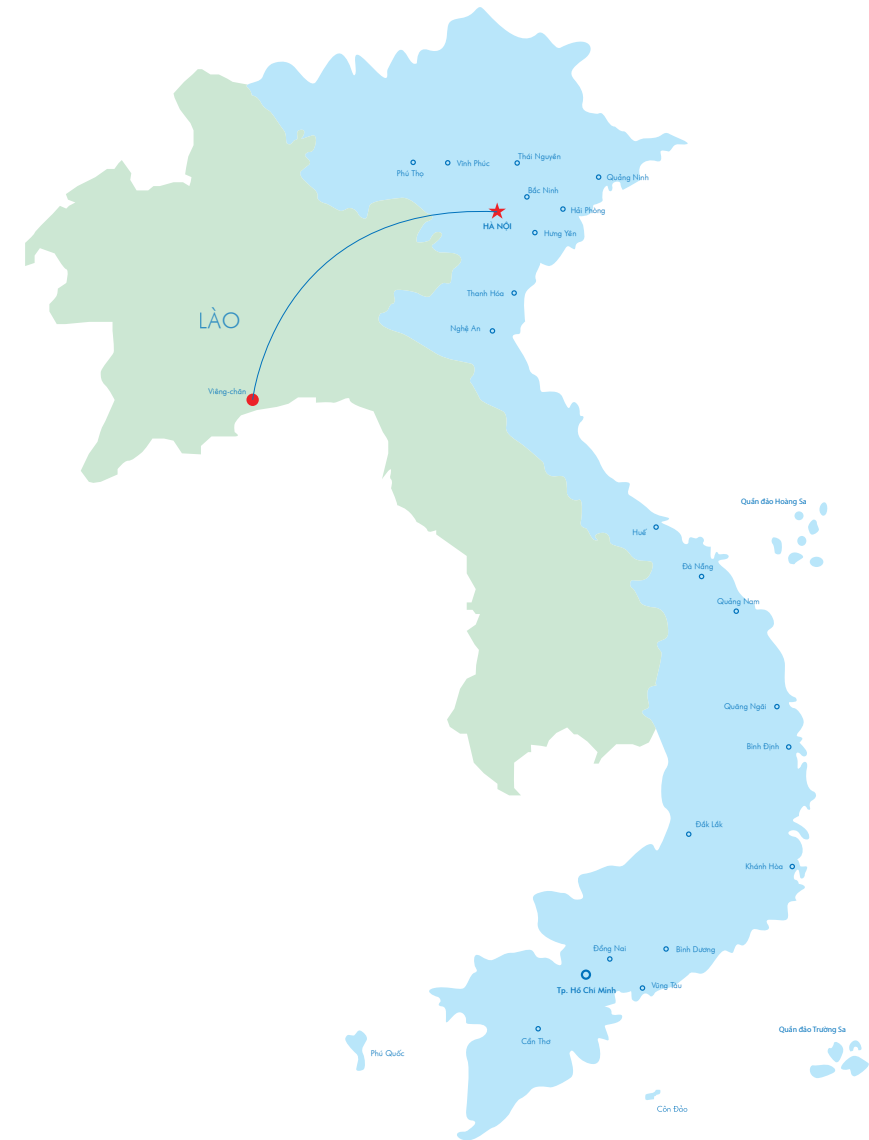
Chi nhánh BÌNH DƯƠNG

457 Đại Lộ Bình Dương – Khu 1
P. Phú Cường – TX. Thủ Dầu 1 – Bình Dương
ĐT : 0650. 384 962
Fax : 0650. 384 962

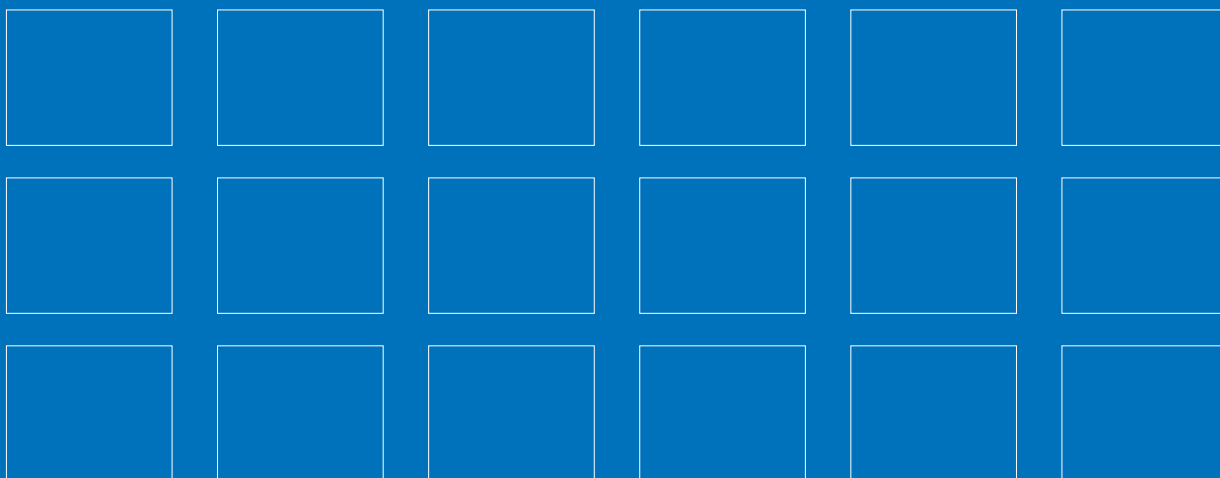


Chi nhánh MB LÀO

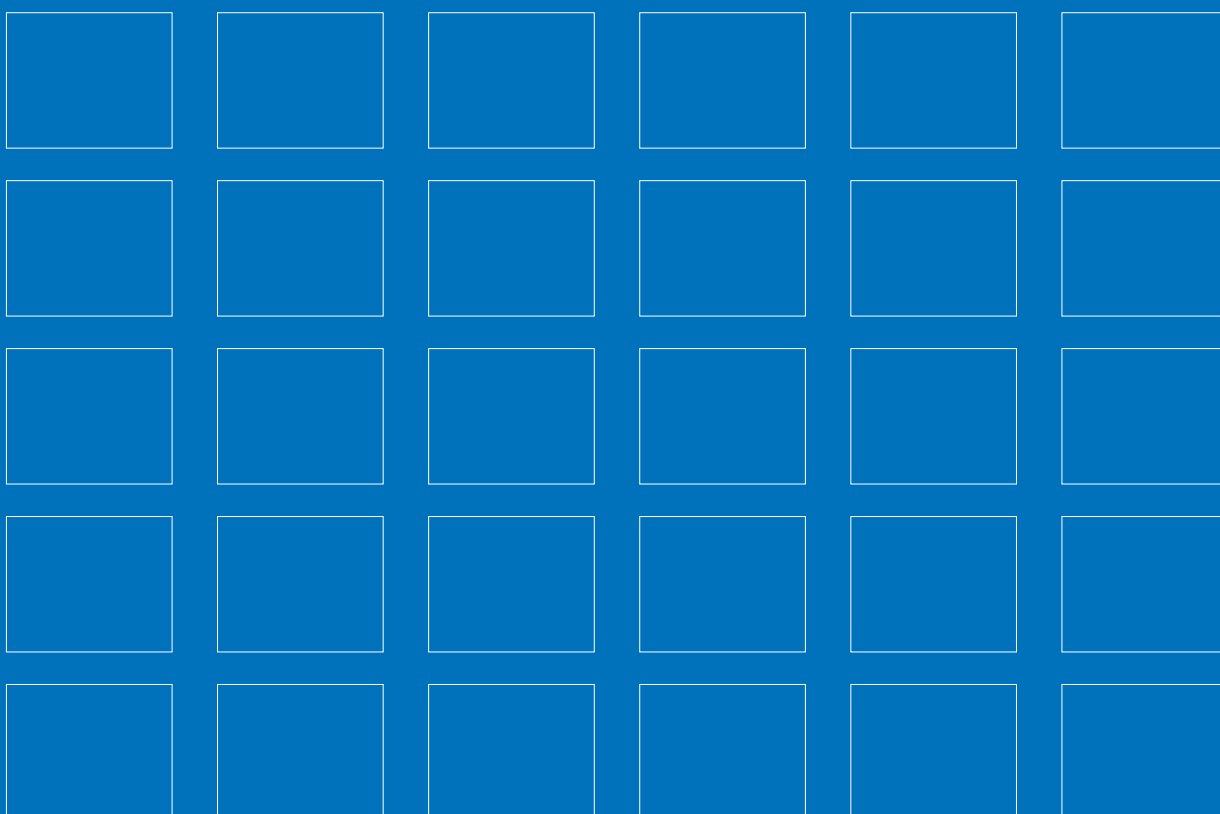
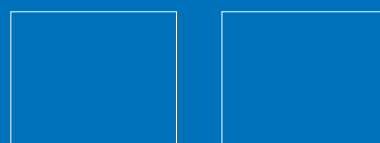
Sự tham gia của MB tại Lào sẽ góp phần thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị giữa hai dân tộc, tạo điều kiện thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư ngày càng gia tăng giữa hai nước Việt Nam – Lào.



MB Lào sẽ hoạt động trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ (đất) nước Lào và thực hiện các nghiệp vụ của ngân hàng theo ủy quyền của MB như: nhận tiền gửi, phát hành chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá, vay vốn của các tổ chức tín dụng... các dịch vụ chiết khấu, bảo lãnh, ngoại hối, thanh toán quốc tế...



www.mbbank.com.vn



TRỤ SỞ CHÍNH:

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai
Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội

T : (04) 6266 1088
F : (04) 6266 1080

E : mb247@mbbank.com.vn
W : www.mbbank.com.vn